



# TỔNG CỤC THỐNG KÊ CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**Số liệu**

## KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ THÁNG HAI VÀ 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025



# MỤC LỤC

---

|   |                                                                 |    |
|---|-----------------------------------------------------------------|----|
| ☐ | Những nét chính kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ.....         | 1  |
| ☐ | Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).....                          | 3  |
| ☐ | Một số chỉ tiêu chủ yếu tháng hai và 02 tháng đầu năm 2025..... | 6  |
| ☐ | Nông nghiệp và thủy sản.....                                    | 7  |
| ☐ | Công nghiệp.....                                                | 8  |
| ☐ | Giải ngân vốn đầu tư công.....                                  | 10 |
| ☐ | Tình hình hoạt động doanh nghiệp.....                           | 11 |
| ☐ | Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.....    | 13 |
| ☐ | Vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải.....                 | 15 |
| ☐ | Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ.....                 | 17 |
| ☐ | Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.....                   | 19 |
| ☐ | Ngân hàng.....                                                  | 21 |
| ☐ | Xuất, nhập khẩu hàng hóa.....                                   | 22 |
| ☐ | Tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ.....                    | 23 |
| ☐ | Tình hình dịch bệnh.....                                        | 24 |
| ☐ | Số liệu KT-XH 5 TP trực thuộc Trung ương.....                   | 25 |



## NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ



Lúa đông xuân xuống giống được 72.031 ha, giảm 1,07% hay 782 ha so với cùng kỳ năm trước, bắt đầu thu hoạch rộ được 39.842 ha; lúa hè thu xuống giống được 7.426 ha/70.177 ha, chiếm 11% so với kế hoạch. Chăn nuôi trên địa bàn không xảy ra dịch bệnh trên gia súc, gia cầm. Tại thời điểm tháng 02/2025, đàn trâu 248 con, giảm 6,77% so với cùng kỳ; đàn bò 3.719 con, giảm 15,07% so với cùng kỳ; tổng đàn heo 125.863 con, giảm 2,01% so với cùng kỳ; đàn gia cầm 2.168 nghìn con, tăng 3,73% so với cùng kỳ. Tính chung 2 tháng năm 2025, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 21.082 tấn, tăng 4,02% so với cùng kỳ, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng 20.778 tấn, tăng 4,02% và sản lượng thủy sản khai thác 304 tấn, tăng 3,75% so với cùng kỳ.



Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 02/2025 ước tính giảm 6,65% so tháng trước và tăng 18,25% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 21,46% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện tăng 5,28%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,17%. Tính chung 02 tháng năm 2025, IIP ước tính tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,43%; sản xuất và phân phối điện tăng 2,28%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,43% so với cùng kỳ.



Tháng 02 năm 2025, ước cấp mới đăng ký kinh doanh cho 126 doanh nghiệp các loại hình, tăng 21,75% so với cùng kỳ; với tổng vốn đăng ký 292,66 tỷ đồng, giảm 49,64% so với cùng kỳ. Ước tổng số doanh nghiệp giải thể tự nguyện 16 doanh nghiệp, giảm 8,82% so với cùng kỳ; ước đăng ký tạm ngưng hoạt động 42 doanh nghiệp, giảm 19,04% so với cùng kỳ và ước đăng ký hoạt động trở lại 26 doanh nghiệp, tăng 30,66% so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2025, ước cấp mới đăng ký kinh doanh cho 291 doanh nghiệp các loại hình, tăng 21,76% so với cùng kỳ; đạt 15,32% kế hoạch; với tổng vốn đăng ký 948,69 tỷ đồng, giảm 49,65% so với cùng kỳ, đạt 6,54% kế hoạch; ước tổng số doanh nghiệp giải thể tự nguyện 31 doanh nghiệp, giảm 8,82% so với cùng kỳ; ước đăng ký tạm ngưng hoạt động 550 doanh nghiệp, tăng 19,05% so với cùng kỳ và ước đăng ký hoạt động trở lại 196 doanh nghiệp, tăng 30,67% so với cùng kỳ.



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 02/2025, ước đạt 11.679,67 tỷ đồng, giảm 4,45% so với tháng trước và tăng 17,07% so với cùng kỳ. Tính chung 2 tháng năm 2025 ước đạt 23.903,03 tỷ đồng, tăng 14,86% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 16.738,55 tỷ đồng, tăng 16,10% so với cùng kỳ; doanh thu lưu trú, ăn uống ước đạt 3.113,48 tỷ đồng, tăng 11,42%; du lịch lữ hành ước đạt 74,56 tỷ đồng, giảm 26,23% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 3.976,44 tỷ đồng, tăng 13,69% so với cùng kỳ năm trước.





## NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ (tiếp)



**C**hi số giá tiêu dùng tháng 02 năm 2025 tăng 0,79% so với tháng trước; tăng 4,54% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,13% so với tháng 12 năm trước; chỉ số giá bình quân Hai tháng đầu năm tăng 4,51% so với bình quân cùng kỳ năm trước. *Chỉ số giá vàng* tháng Hai tăng 4,79% so với tháng trước, tăng 39,32% so với cùng tháng năm trước, tăng 5,75% so với tháng 12 năm trước. *Chỉ số giá đô la Mỹ* tháng Hai giảm 0,28% so với tháng trước, tăng 3,38% so với cùng tháng năm trước, giảm 0,06% so với tháng 12 năm trước.



**T**ổng thu và chi ngân sách nhà nước lũy kế thực hiện đến ngày 25/02/2025 với tổng thu ngân sách nhà nước đạt 3.670,60 tỷ đồng, bằng 16,67% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 21,99% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa đạt 2.625,71 tỷ đồng, bằng 21,73% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 25,60% so với cùng kỳ; Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 43,03 tỷ đồng, bằng 15,37% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 112,40% so với cùng kỳ. Và tổng chi ngân sách địa phương đạt 4.926,56 tỷ đồng, bằng 20,36% dự toán HĐND thành phố giao, giảm 8,24% so với cùng kỳ. Trong đó, chi cho đầu tư phát triển đạt 3.565,58 tỷ đồng (kể cả chi tạm ứng XDCB năm 2024 chuyển sang), bằng 39,09% dự toán, giảm 17,91% so với cùng kỳ; chi thường xuyên đạt 1.322,88 tỷ đồng, bằng 16,16% dự toán, tăng 29,01% so với cùng kỳ.



**Đ**ến cuối tháng 02/2025, vốn huy động ước đạt 130.700 tỷ đồng, tăng 0,53% so với tháng 01/2025, giảm 4,47% so với tháng 12/2024, trong đó vốn huy động trên 12 tháng là 14.500 tỷ đồng, chiếm 11,09%, tăng 1,31% so với tháng 01/2025, tăng 1,60% so với tháng 12/2024. Tổng dư nợ cho vay đến cuối tháng 02/2025 ước đạt 172.900 tỷ đồng, tăng 0,63% so với tháng 01/2025, giảm 0,89% so với tháng 12/2024. Nợ xấu là 4.700 tỷ đồng, chiếm 2,72% tổng dư nợ cho vay.



**T**ừ ngày 15/01/2025 đến ngày 14/02/2025 đã xảy ra 21 vụ đường bộ, giảm 21 vụ so với cùng kỳ; chết 16 người, giảm 01 người so với cùng kỳ; 8 người bị thương, giảm 33 người so với cùng kỳ. Lũy kế đến ngày 14/02/2025, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 45 vụ tai nạn giao thông, giảm 39 vụ so với cùng kỳ; chết 34 người, tăng 03 người so với cùng kỳ; 19 người bị thương, giảm 59 người so với cùng kỳ.

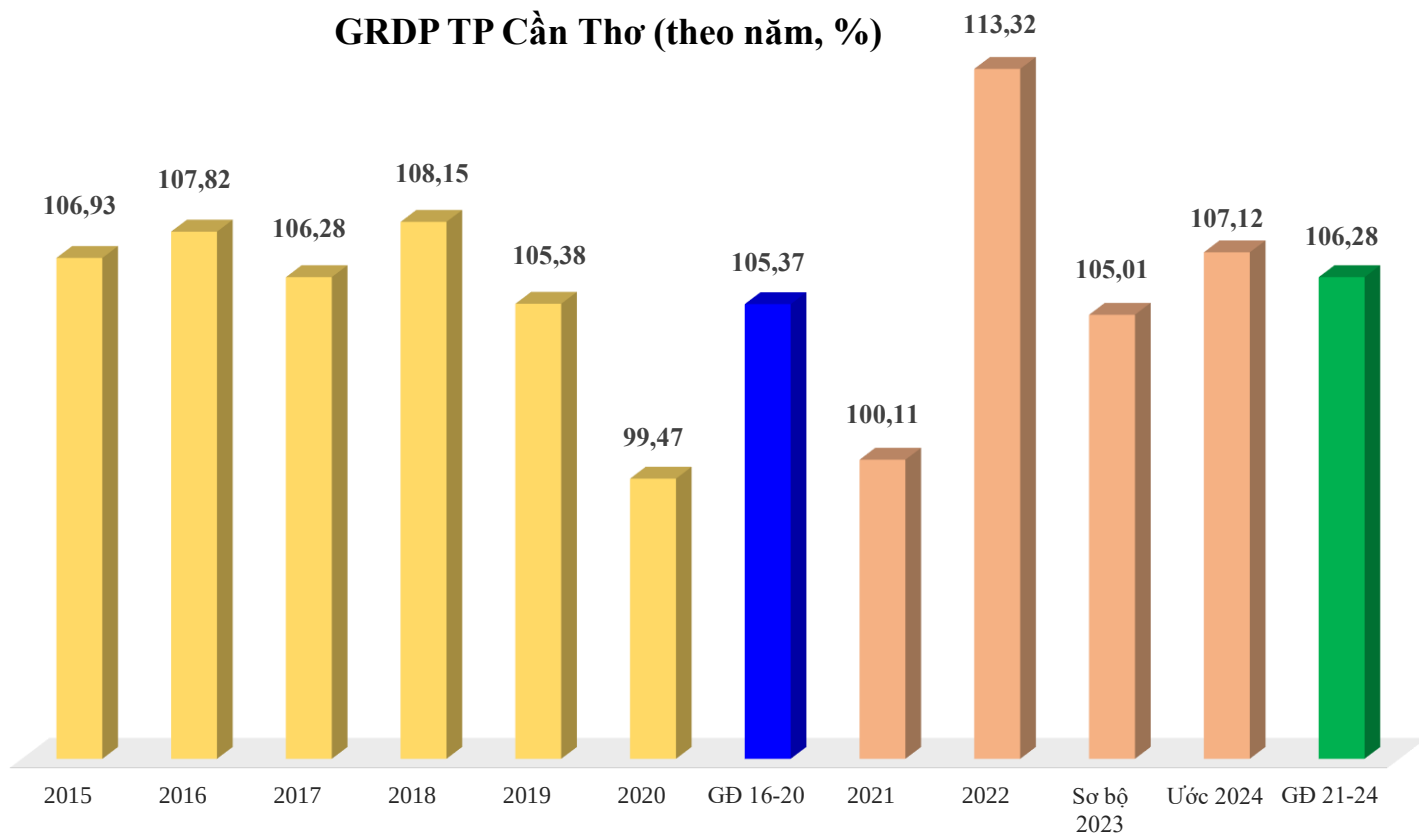


**T**ính từ ngày 16/01/2025 đến ngày 15/02/2025, Thành phố Cần Thơ ghi nhận 10 trường hợp mắc sốt xuất huyết, giảm 22 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong; tay chân miệng ghi nhận 04 trường hợp mắc, giảm 23 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong; sởi 41 ca mắc được chuẩn đoán lâm sàng, không ghi nhận trường hợp tử vong; sốt phát ban nghi sởi ghi nhận 50 trường hợp mắc; tiêu chảy 780 trường hợp, tăng 38% so với tháng trước.



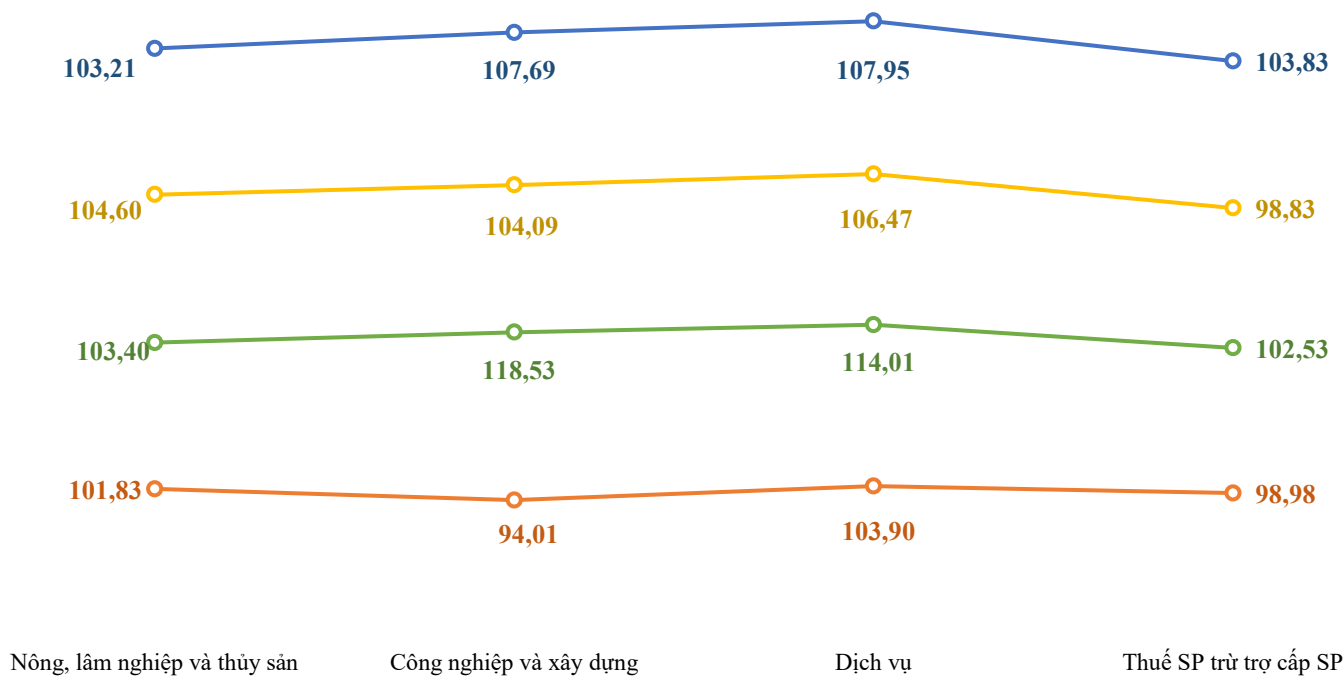
## TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

GRDP TP Cần Thơ (theo năm, %)



GRDP TP Cần Thơ (theo khu vực, %)

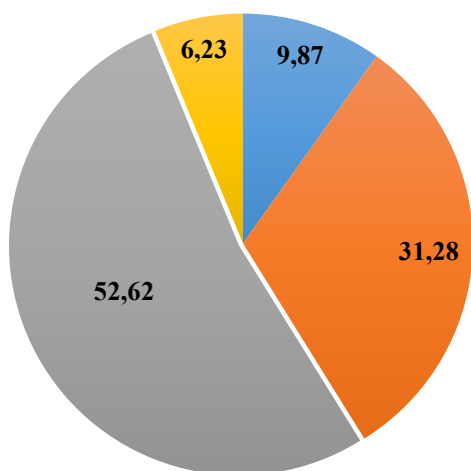
—○— Năm 2021 —○— Năm 2022  
—○— Năm 2023 —○— Năm 2024





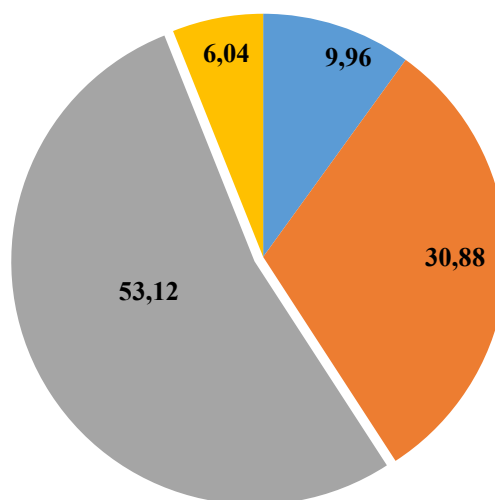
## TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

**Cơ cấu GRDP năm 2023**  
(theo giá HH,%)



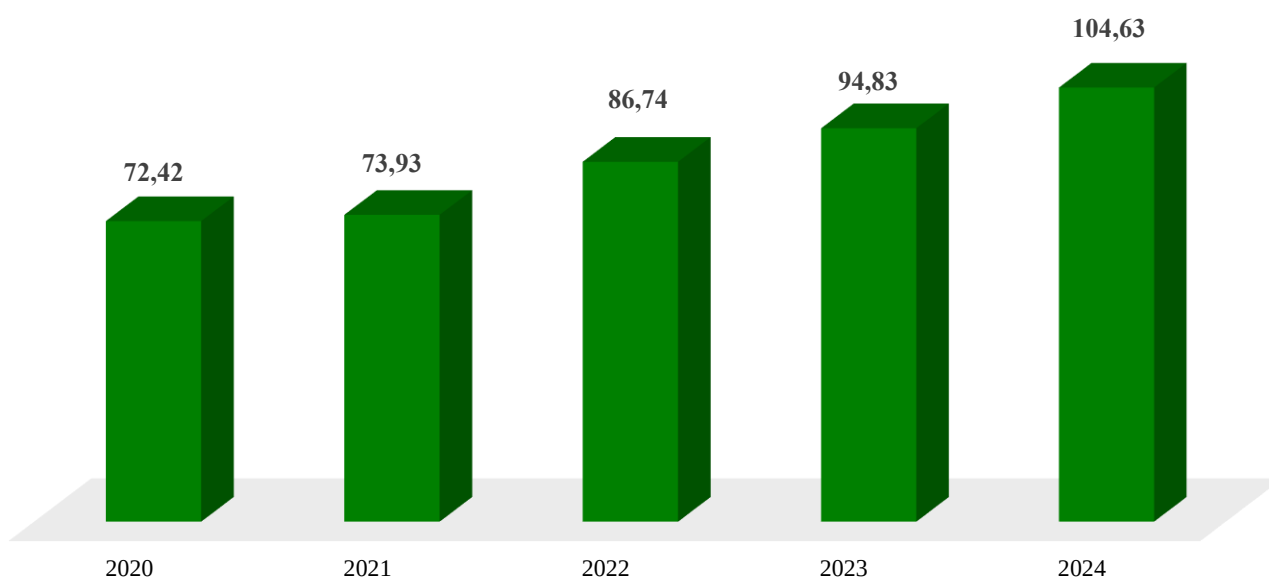
■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản    ■ Công nghiệp và xây dựng  
■ Dịch vụ    ■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

**Cơ cấu GRDP năm 2024**  
(theo giá HH,%)



■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản    ■ Công nghiệp và xây dựng  
■ Dịch vụ    ■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

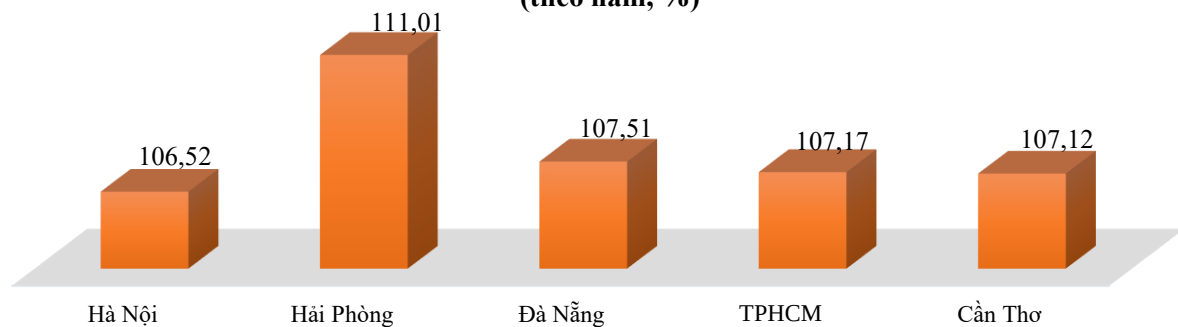
**GRDP bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)**



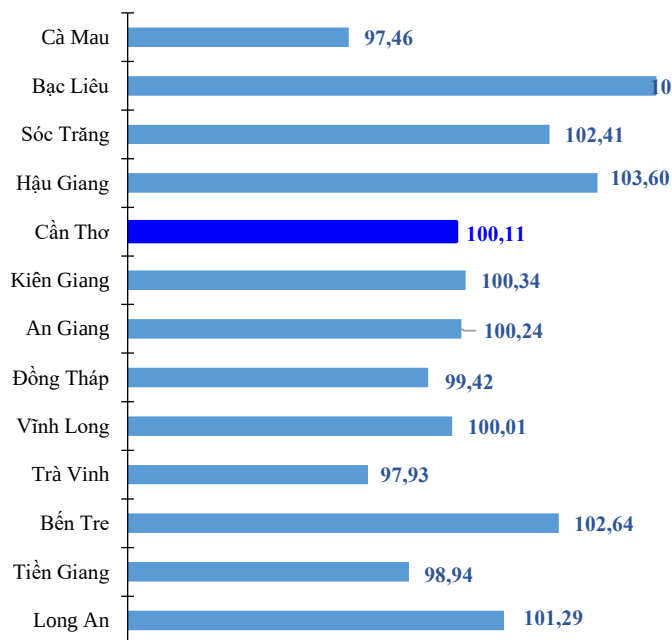


## TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

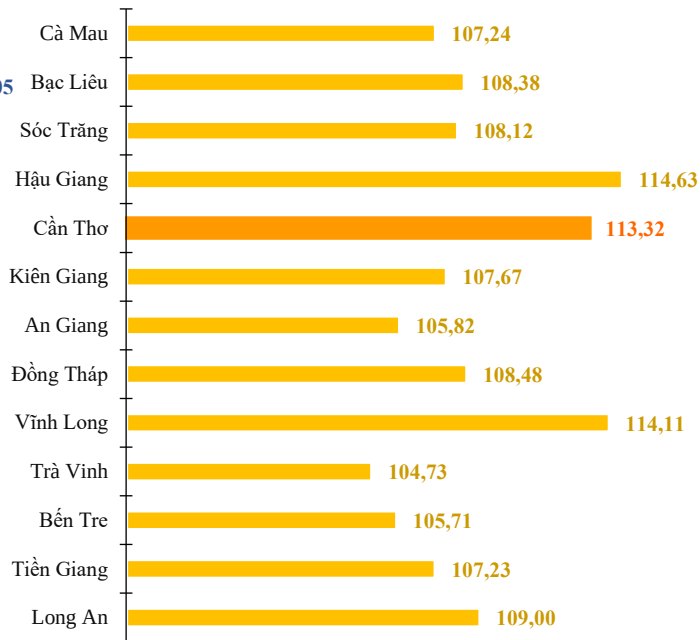
GRDP của 5 TP trực thuộc TW  
(theo năm, %)



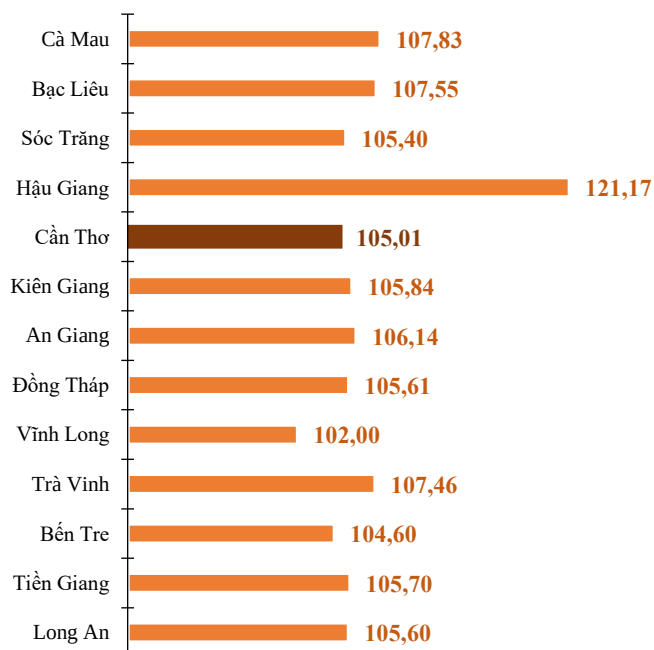
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2021 (theo năm, %)



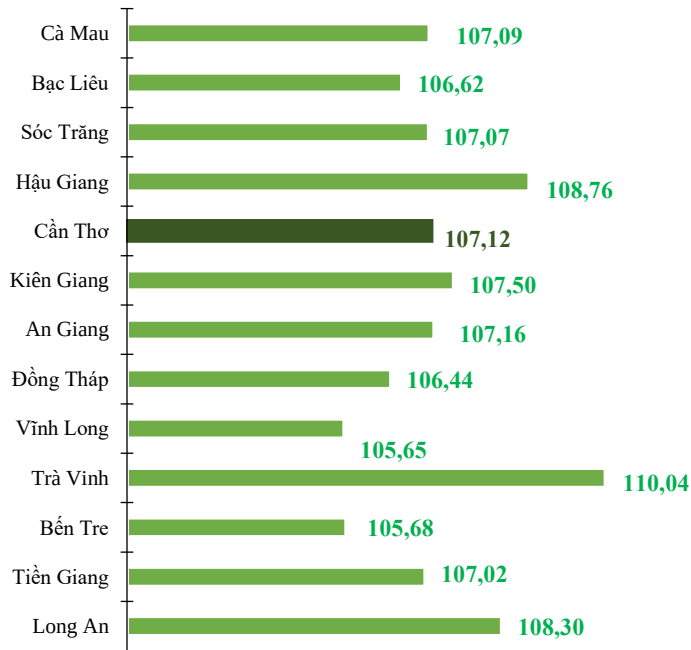
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2022 (theo năm, %)



GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2023 (theo năm, %)



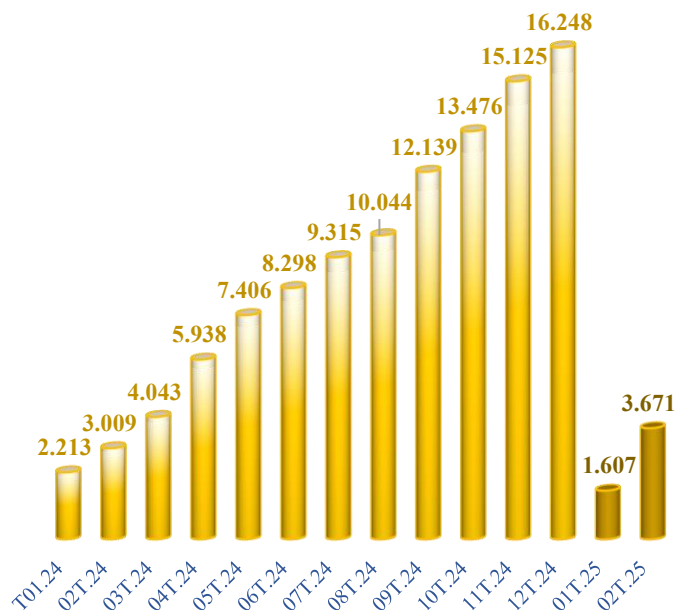
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2024 (theo năm, %)



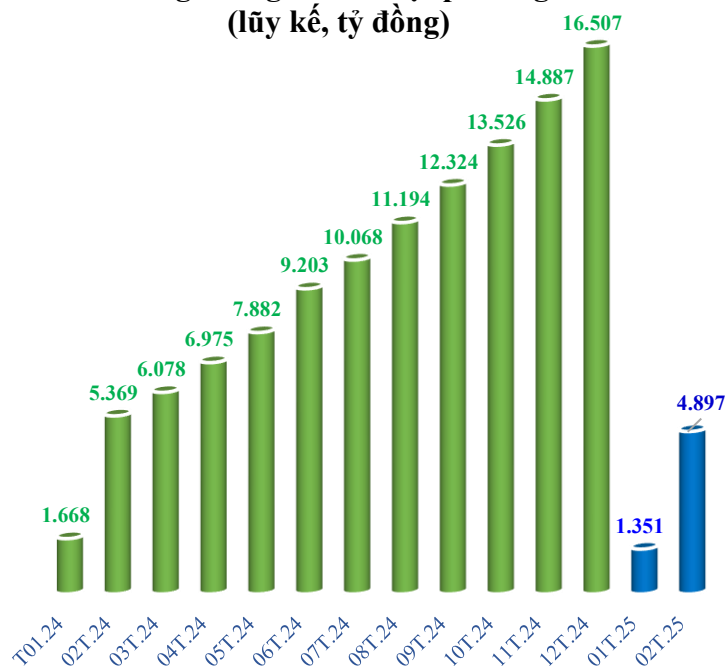


## MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 02 NĂM 2025

**Tổng thu ngân sách nhà nước  
(lũy kế, tỷ đồng)**



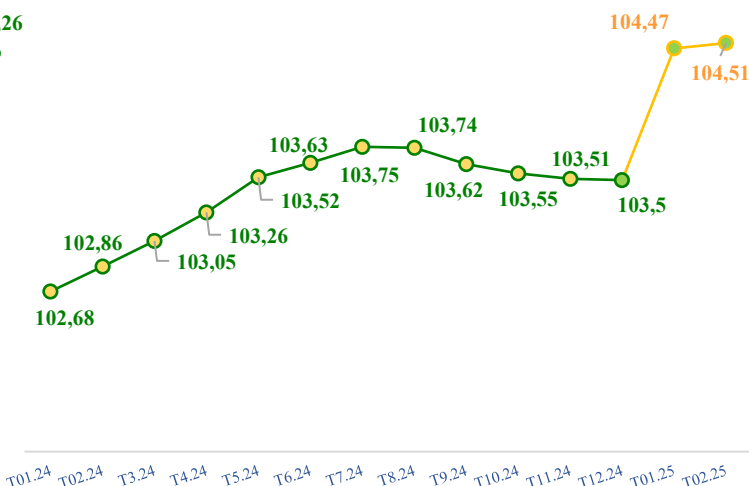
**Tổng chi ngân sách địa phương  
(lũy kế, tỷ đồng)**



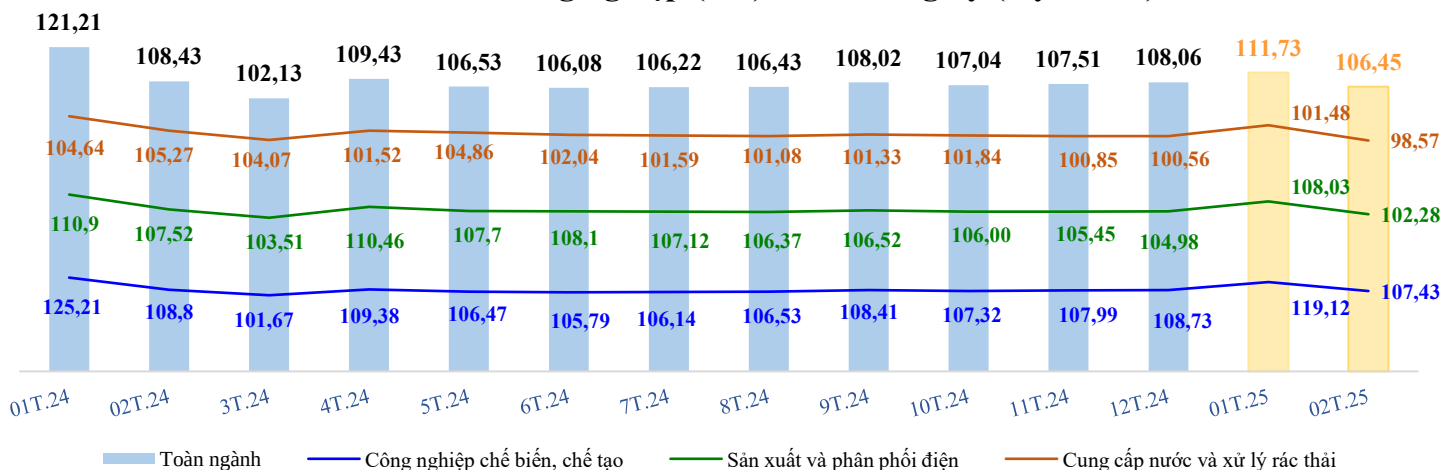
**Tốc độ tăng/giảm Tổng mức bán lẻ và doanh  
thu dịch vụ tiêu dùng so cùng kỳ (lũy kế, %)**



**Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ  
(lũy kế, %)**



**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)**



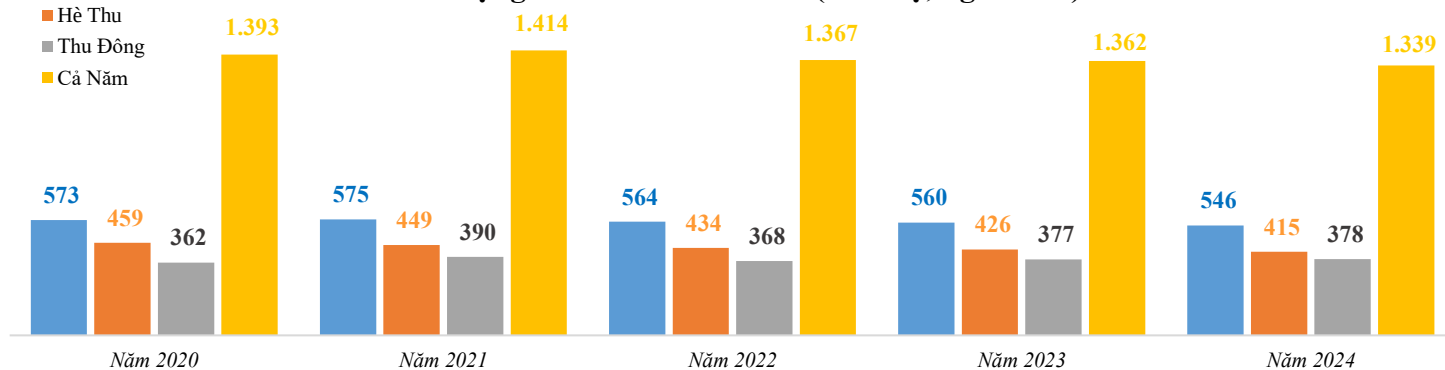




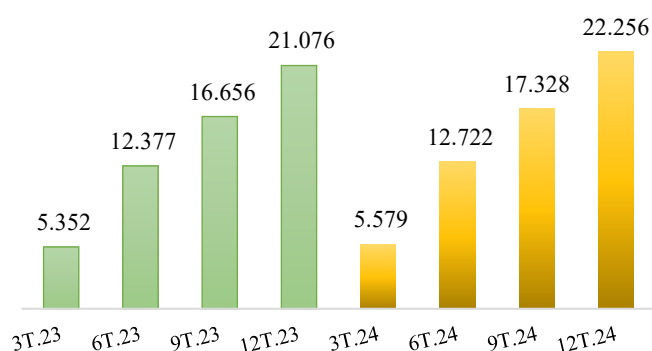
## NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

- Đông Xuân
- Hè Thu
- Thu Đông
- Cả Năm

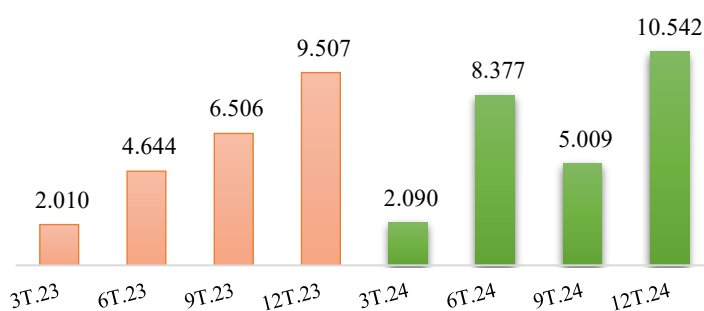
Sản lượng lúa năm 2020 - 2024 (theo vụ, nghìn tấn)



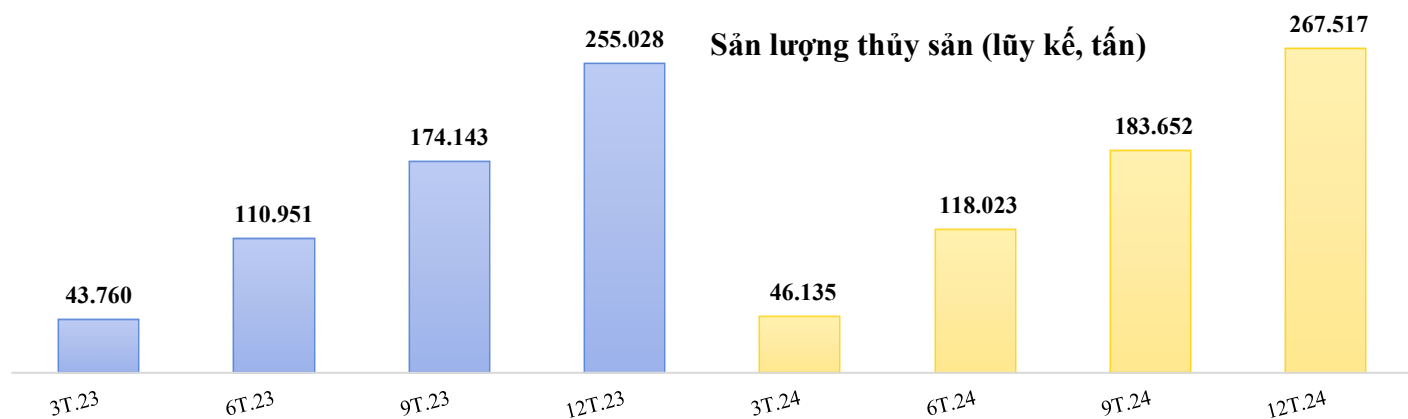
Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng (lũy kế, tấn)



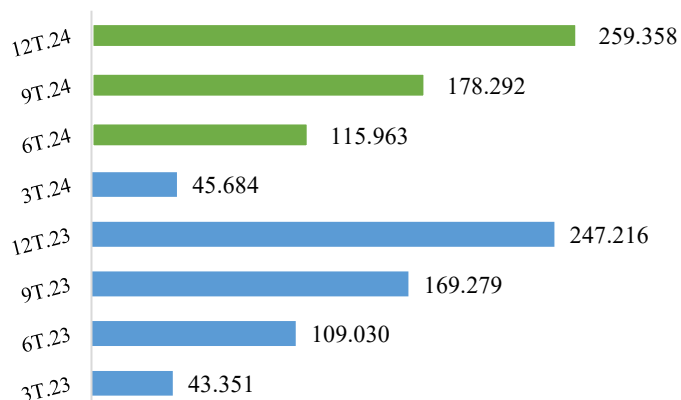
Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng (lũy kế, tấn)



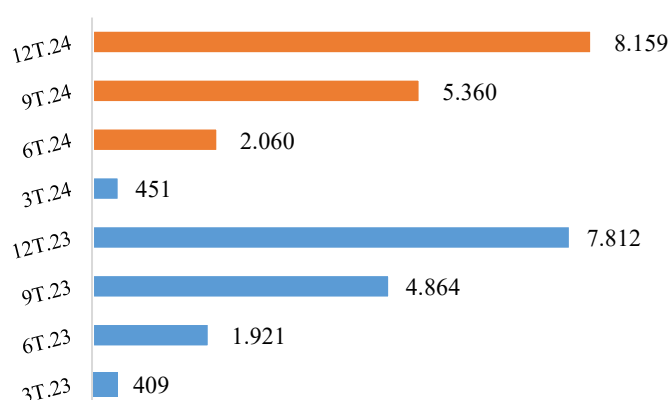
Sản lượng thủy sản (lũy kế, tấn)



Sản lượng nuôi trồng (tấn)



Sản lượng khai thác (tấn)

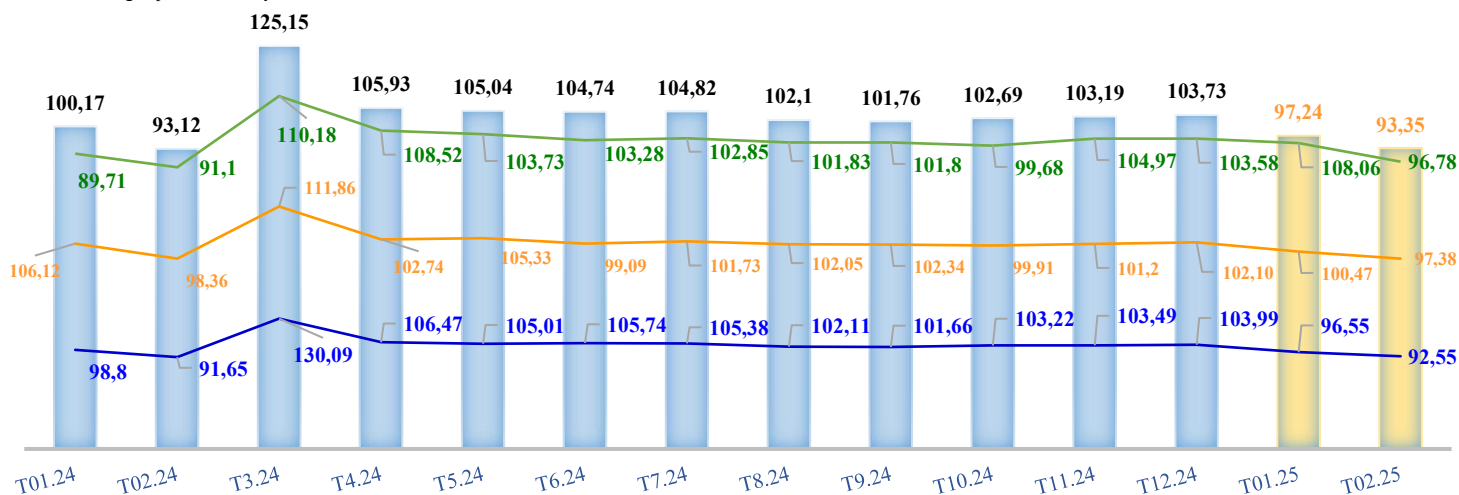




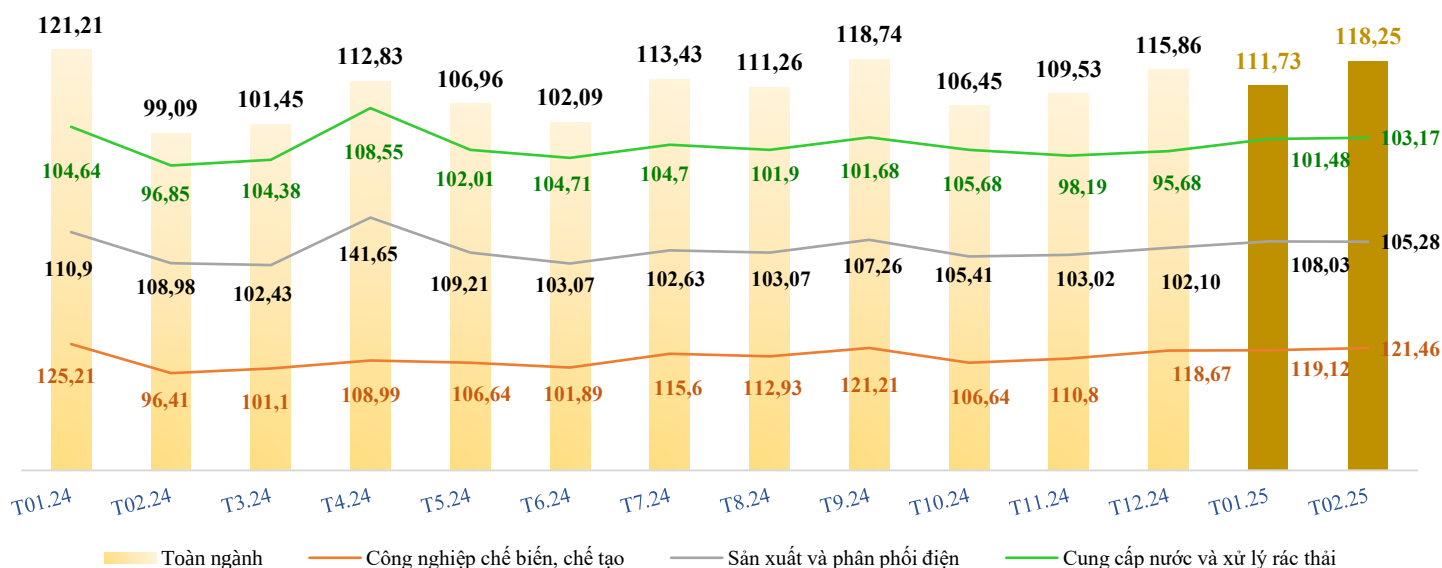
## CÔNG NGHIỆP

- Toàn ngành
- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Sản xuất và phân phối điện
- Cung cấp nước và xử lý rác thải

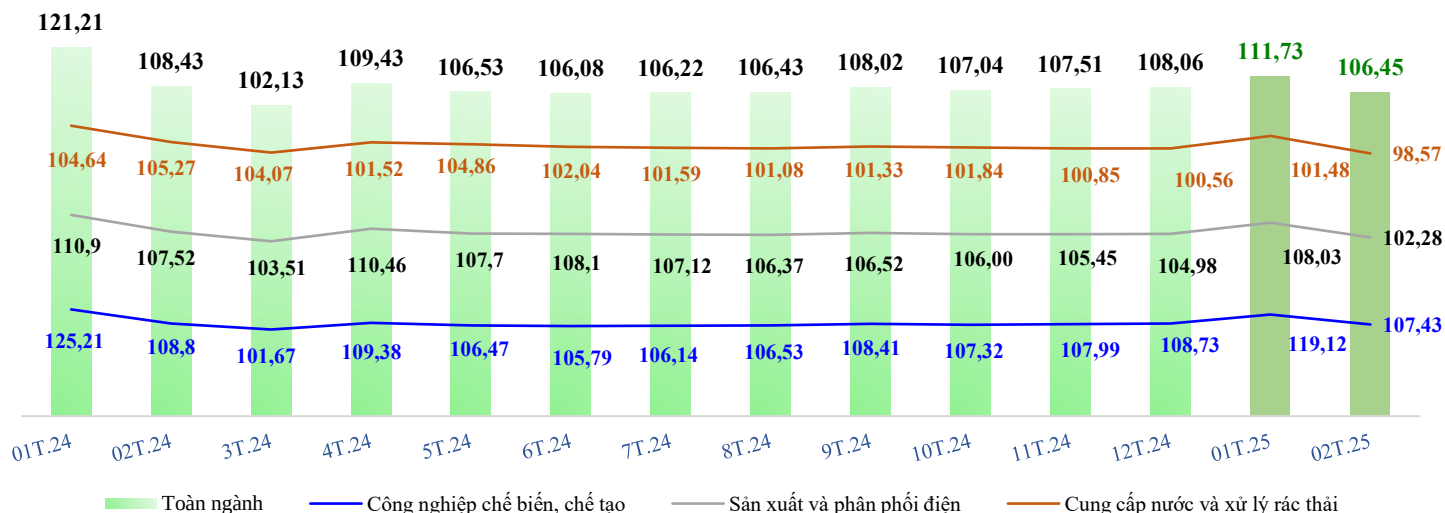
### Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng trước (theo tháng, %)



### Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)



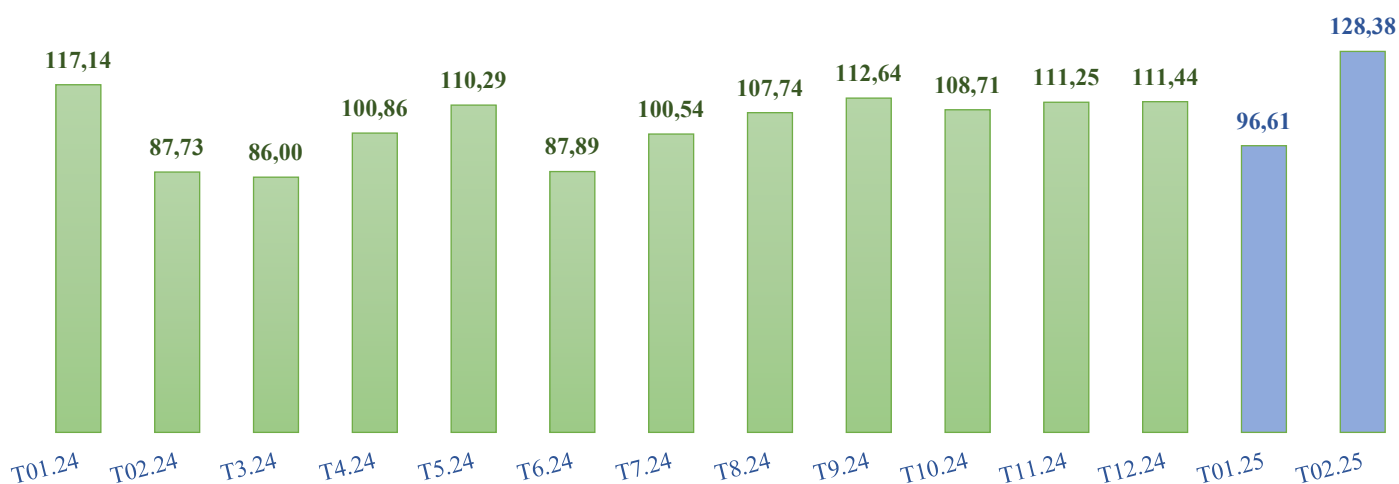
### Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)



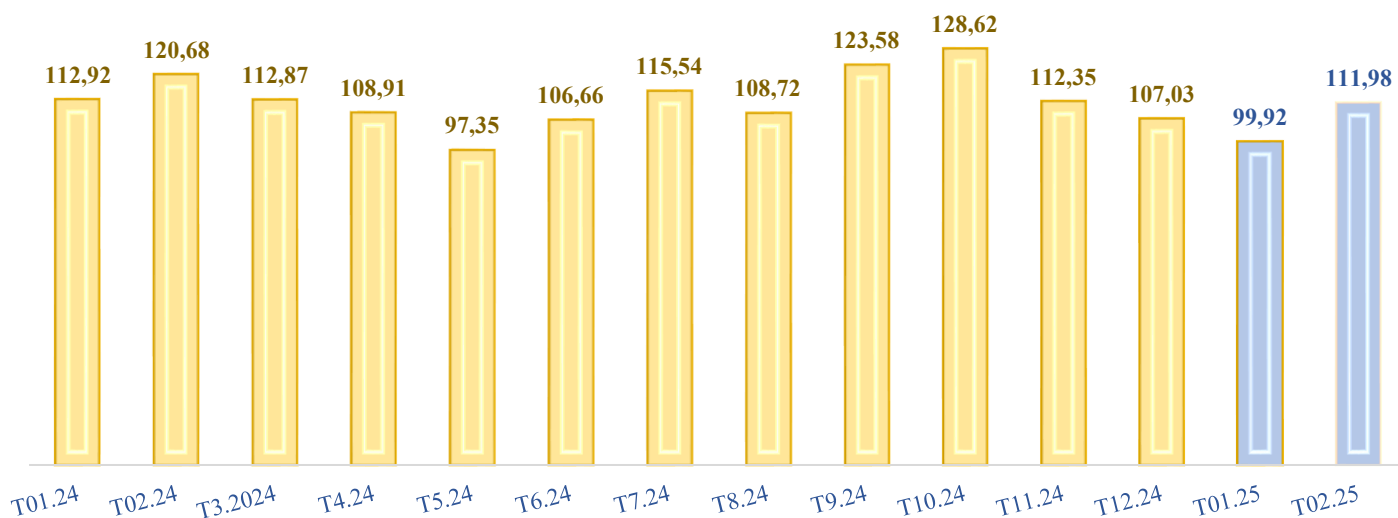


## CÔNG NGHIỆP (tiếp)

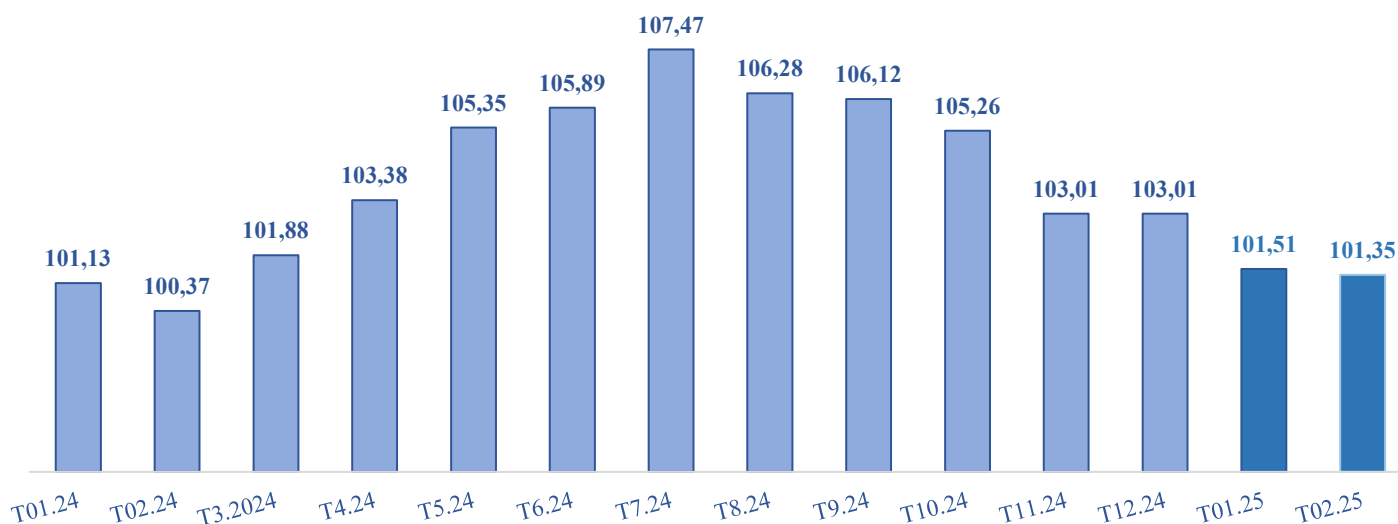
### Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ (tháng, %)



### Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ (tháng, %)



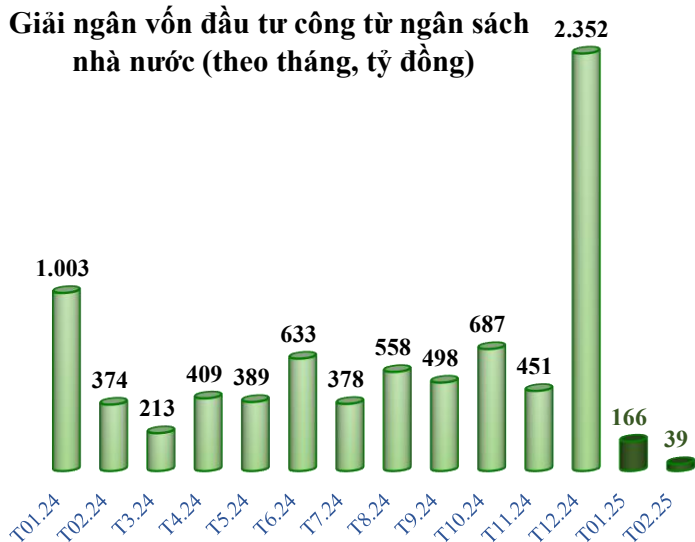
### Chỉ số sử dụng lao động so với cùng kỳ (tháng, %)



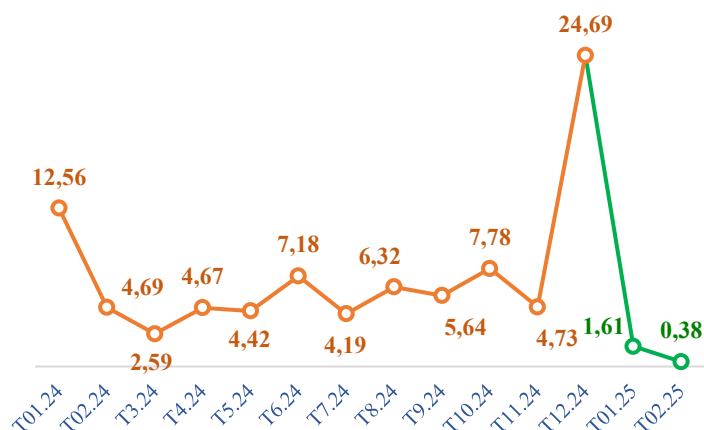


## GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG(\*)

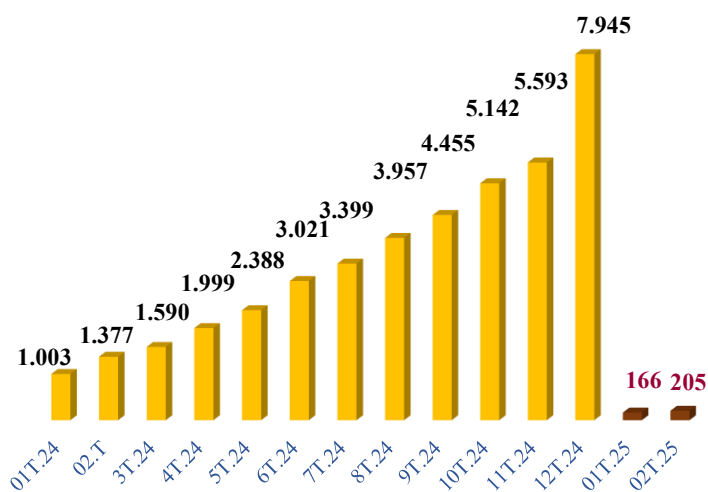
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (theo tháng, tỷ đồng)



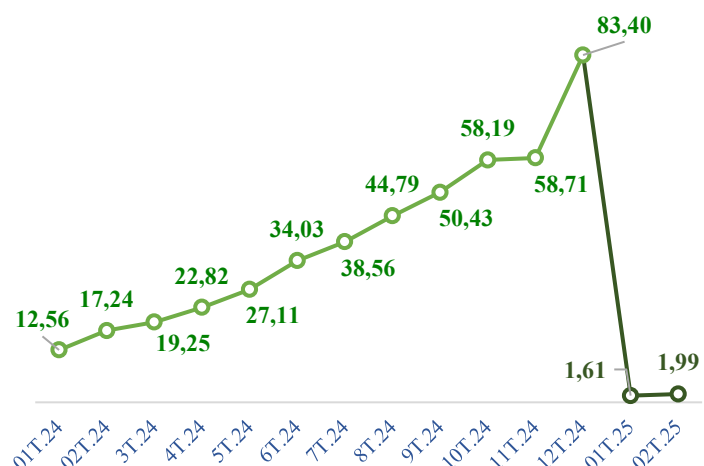
Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước năm 2024 so với kế hoạch (theo tháng, %)



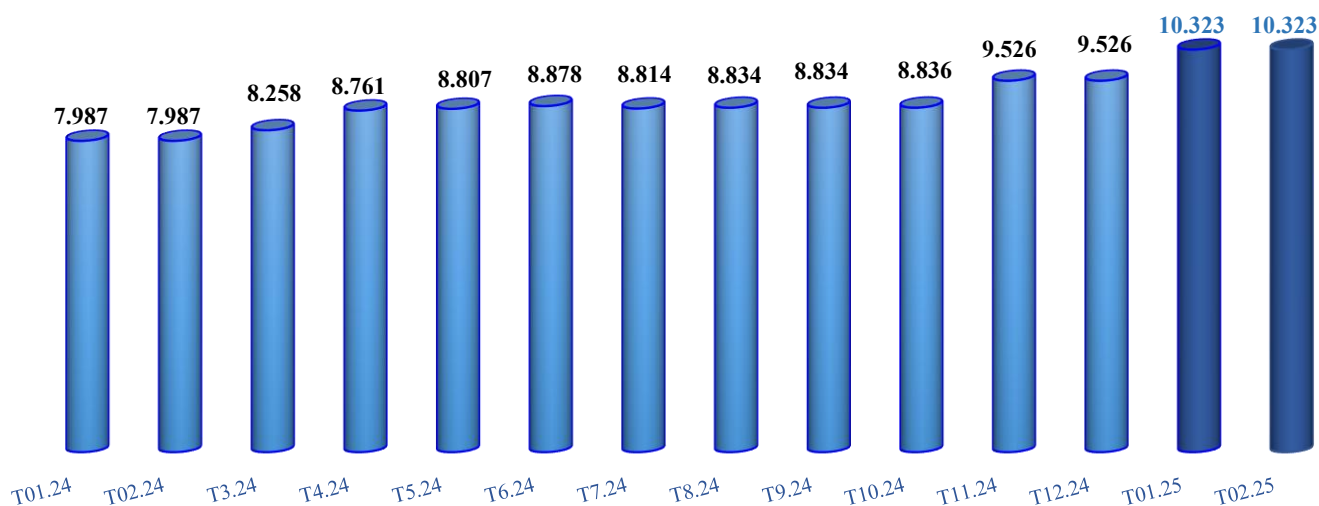
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (lũy kế, tỷ đồng)



Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước so với kế hoạch (lũy kế, %)



Kế hoạch năm 2024 và tháng 02 năm 2025 (tỷ đồng)



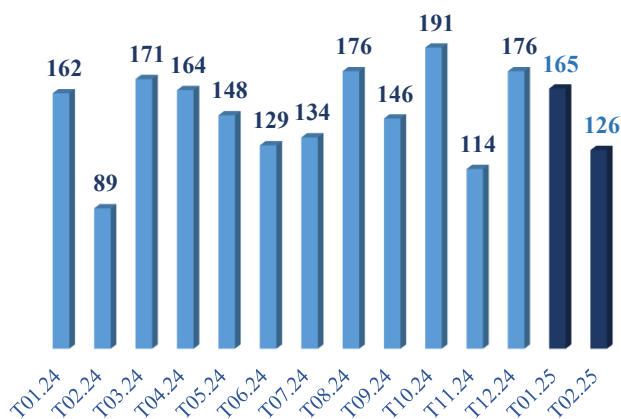
Nguồn: Kho bạc thành phố Cần Thơ

(\*) Điều chỉnh số chính thức từ tháng 1/2024 - 12/2024. Riêng tháng 02 số liệu đến ngày 25/02/2025

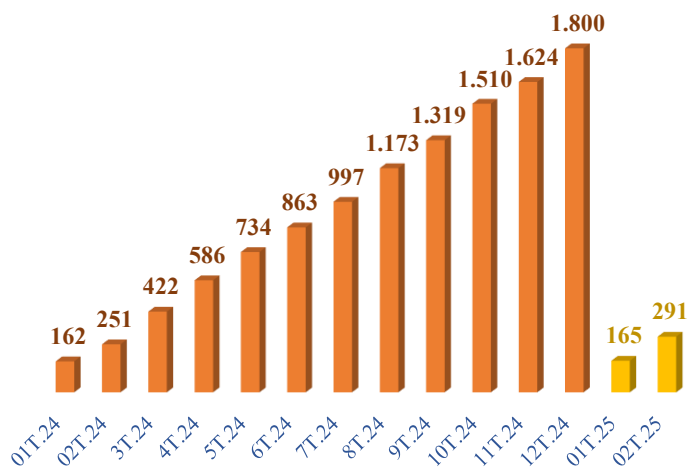


## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

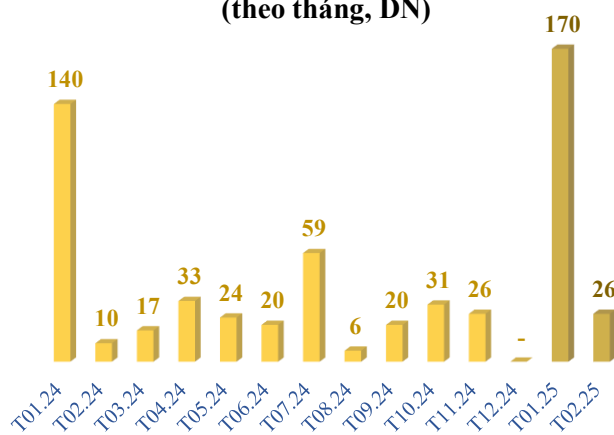
**Số doanh nghiệp thành lập mới  
(theo tháng, DN)**



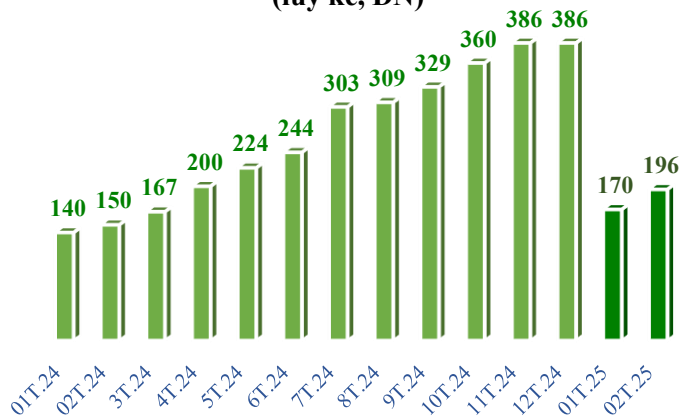
**Số doanh nghiệp thành lập mới (lũy kế, DN)**



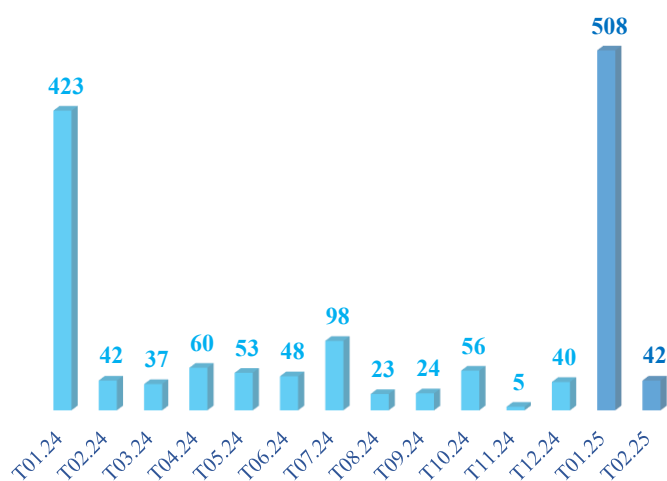
**Số DN quay trở lại hoạt động  
(theo tháng, DN)**



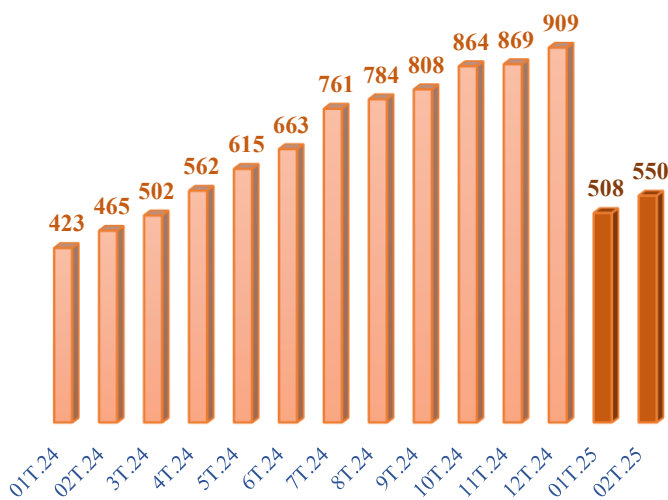
**Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động  
(lũy kế, DN)**



**Số DN tạm ngưng có thời hạn  
(theo tháng, DN)**



**Số doanh nghiệp tạm ngưng có thời hạn  
(lũy kế, DN)**



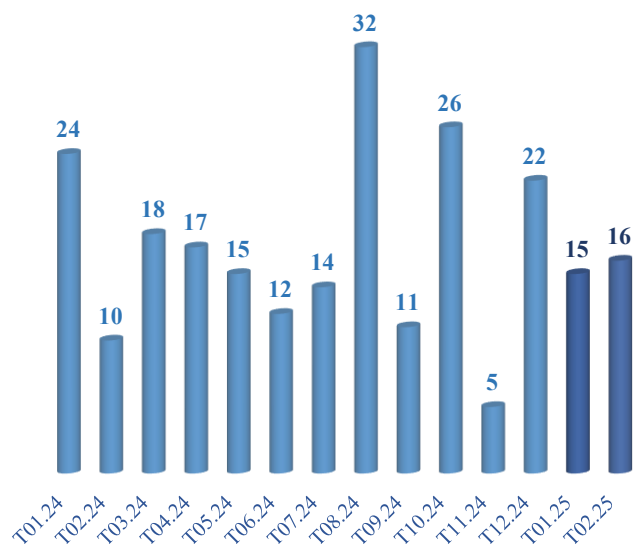
(\*) Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố



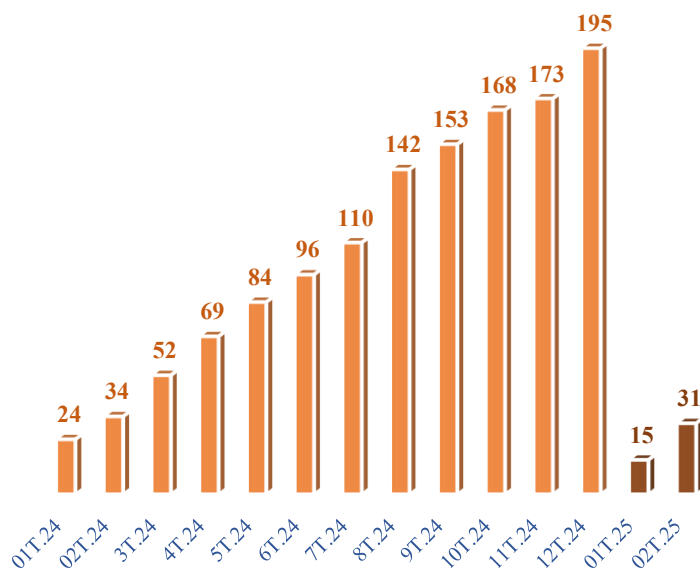


## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

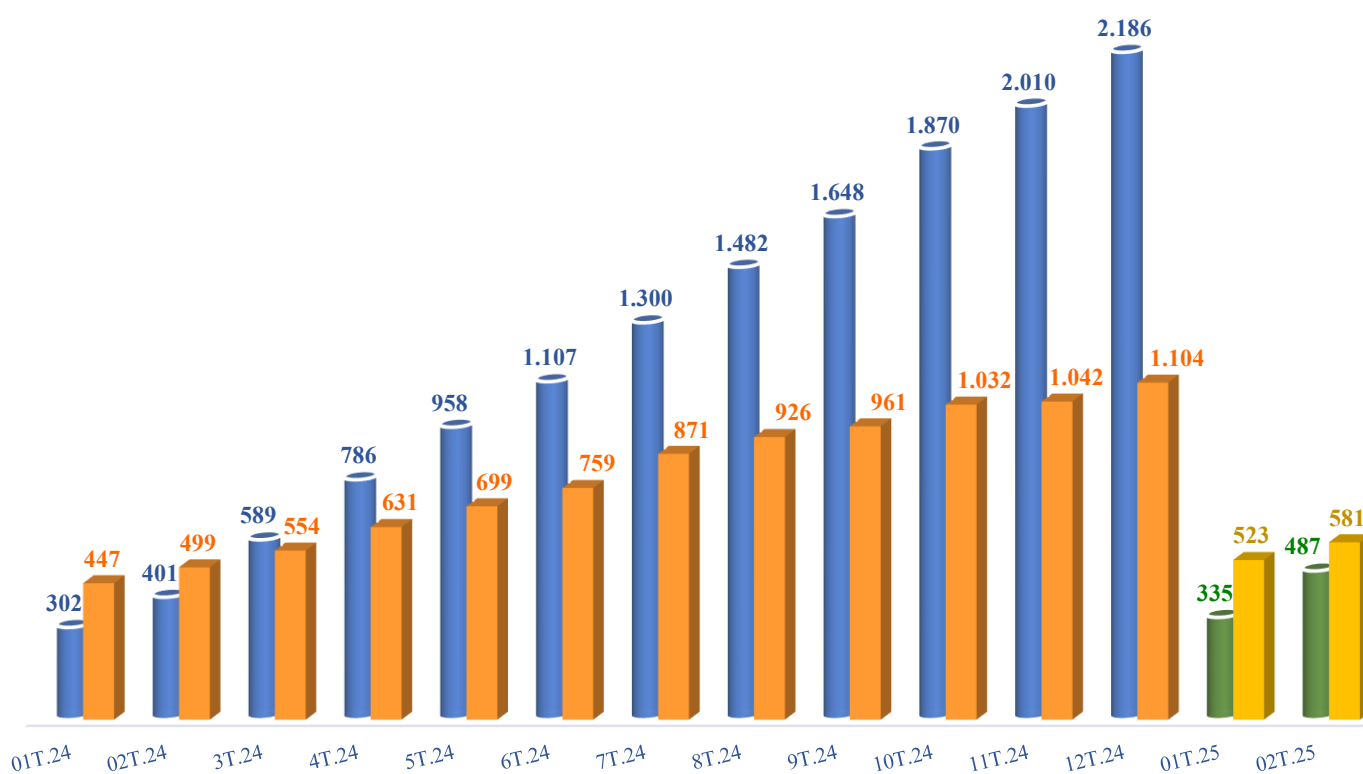
Số doanh nghiệp giải thể (theo tháng, DN)



Số doanh nghiệp giải thể (lũy kế, DN)



Số DN gia nhập và số DN rút lui khỏi thị trường (lũy kế, DN)



■ 5. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường (lũy kế, DN)

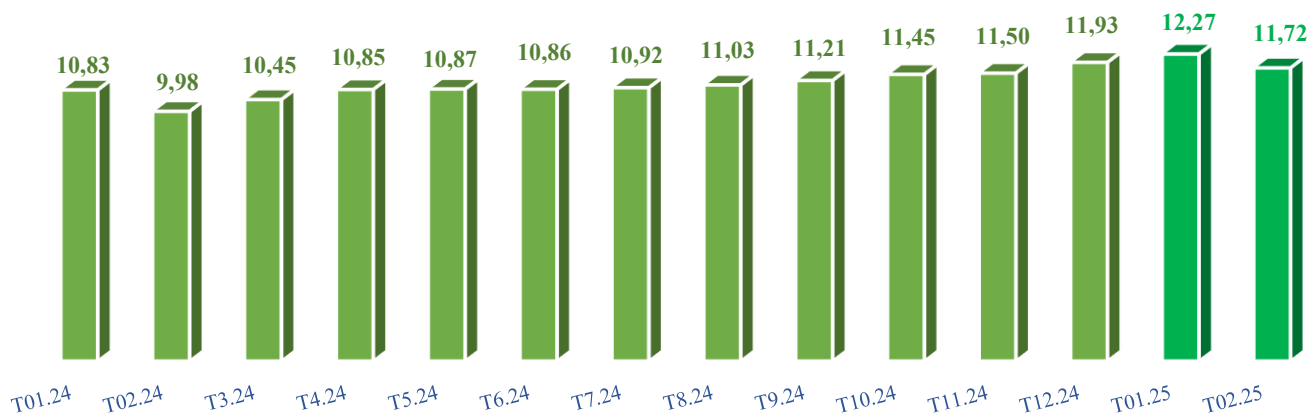
■ 6. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (lũy kế, DN)

(\*) Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố

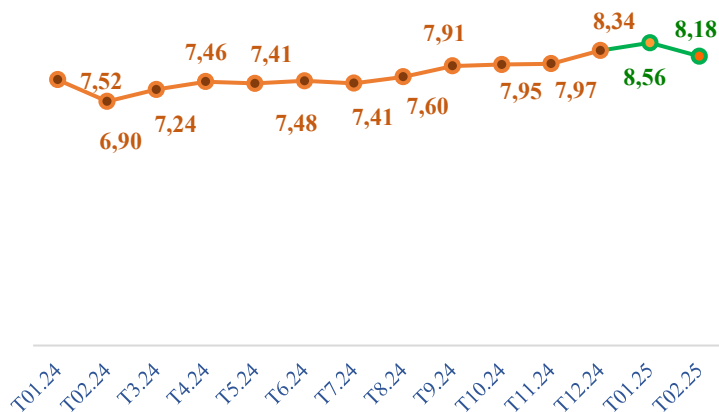


## TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

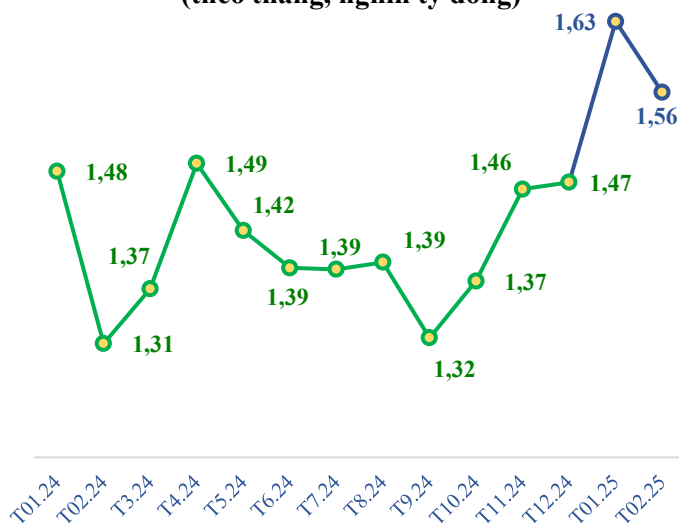
**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



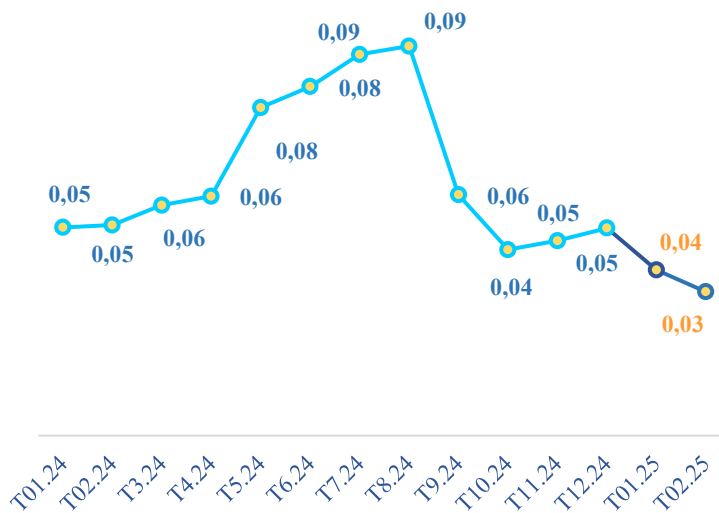
**Bán lẻ hàng hóa (theo tháng, nghìn tỷ đồng)**



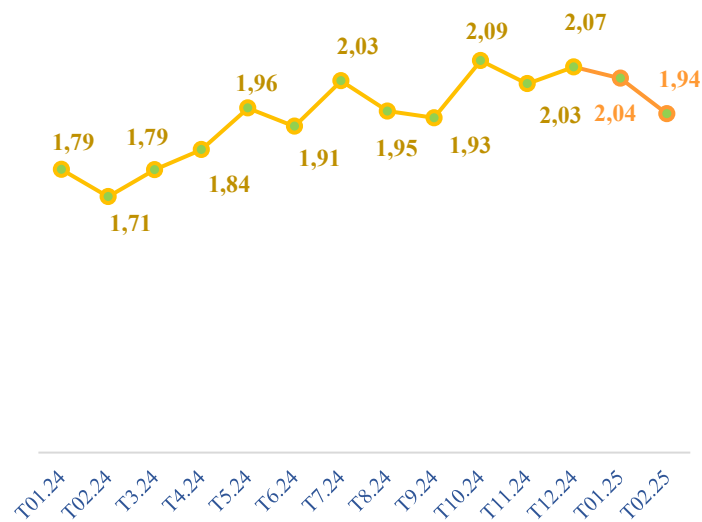
**Dịch vụ lưu trú, ăn uống**  
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



**Du lịch lữ hành (theo tháng, nghìn tỷ đồng)**



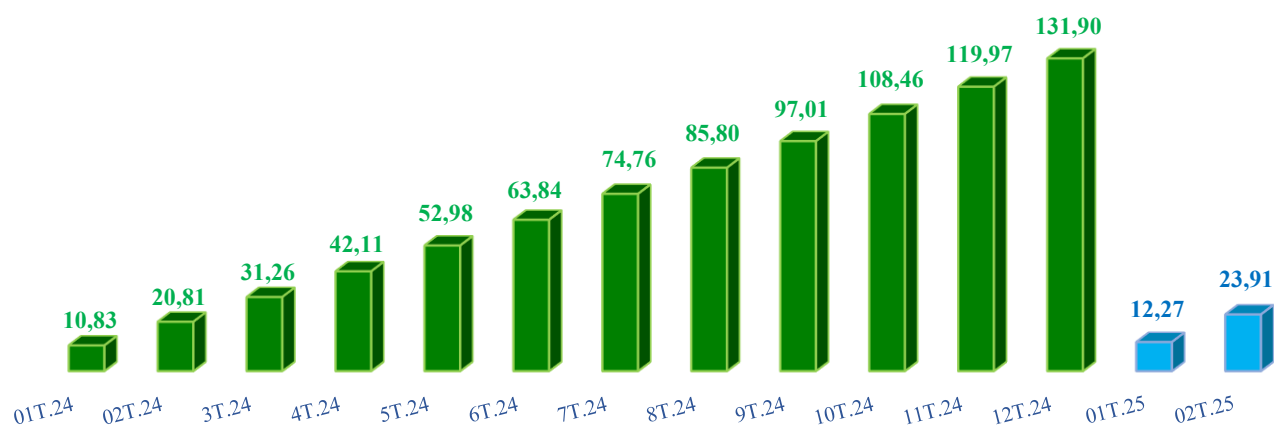
**Dịch vụ khác (theo tháng, nghìn tỷ đồng)**



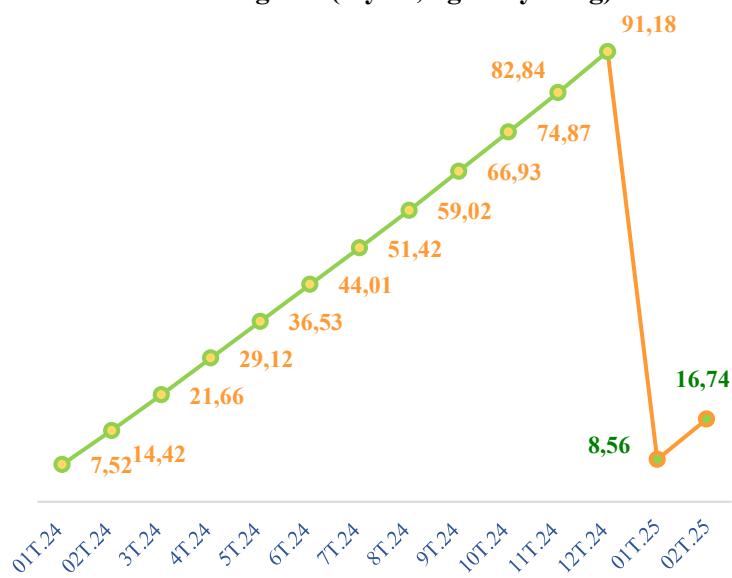


## TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG (tiếp)

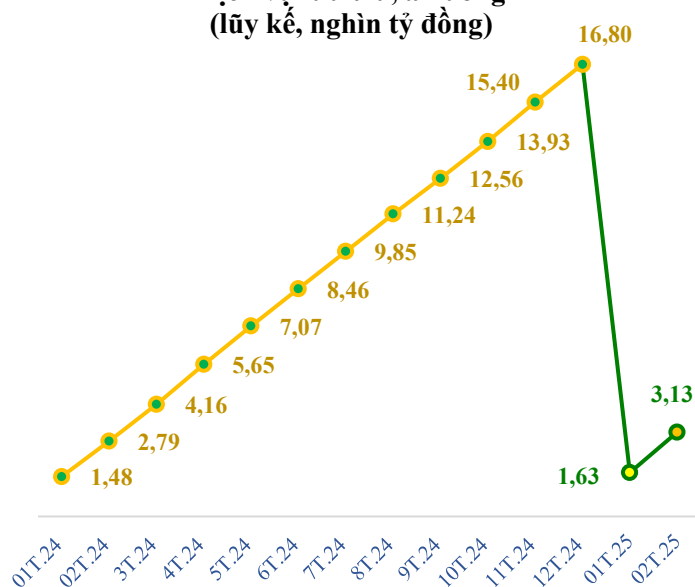
### Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



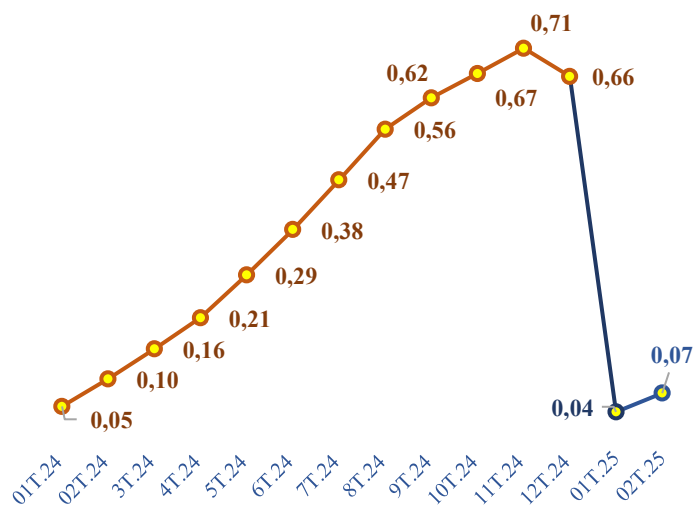
### Bán lẻ hàng hóa (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



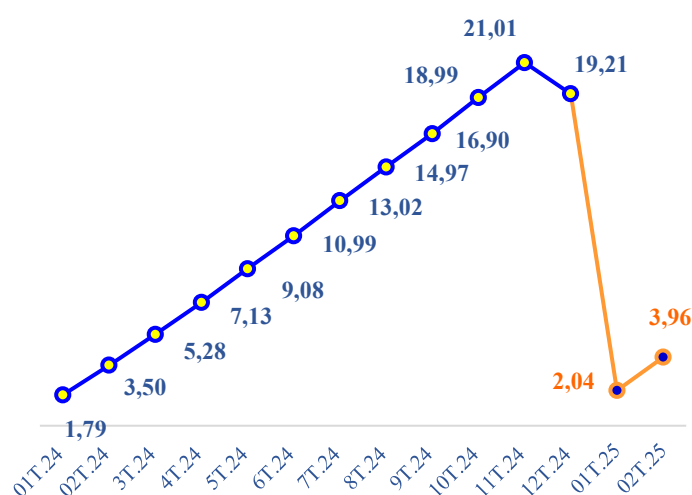
### Dịch vụ lưu trú, ăn uống (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



### Du lịch lữ hành (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



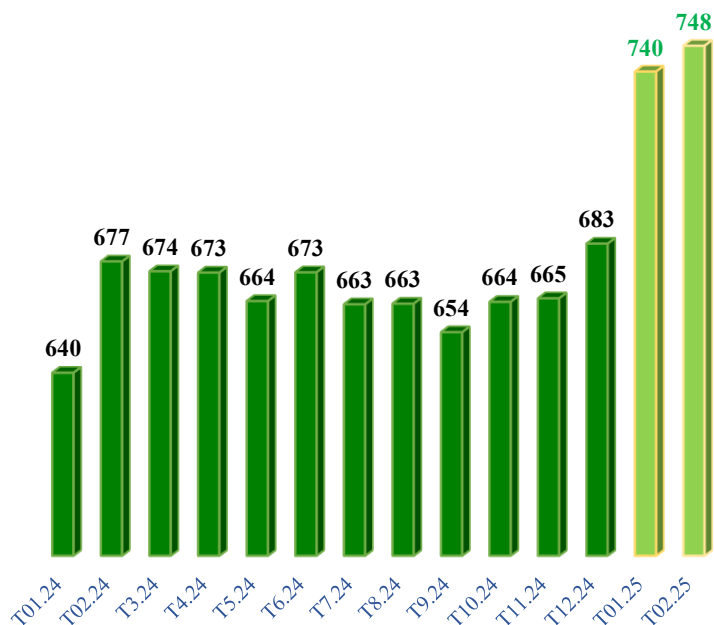
### Dịch vụ khác (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



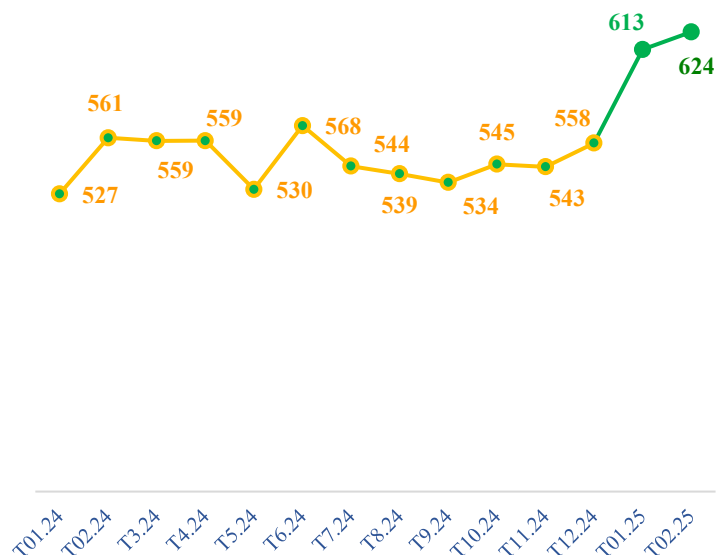


## VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI

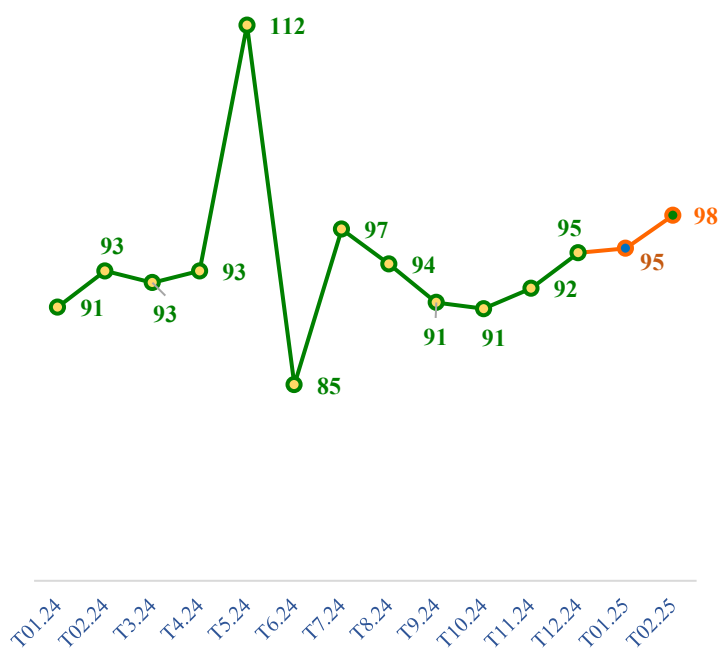
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ vận tải  
(theo tháng, tỷ đồng)



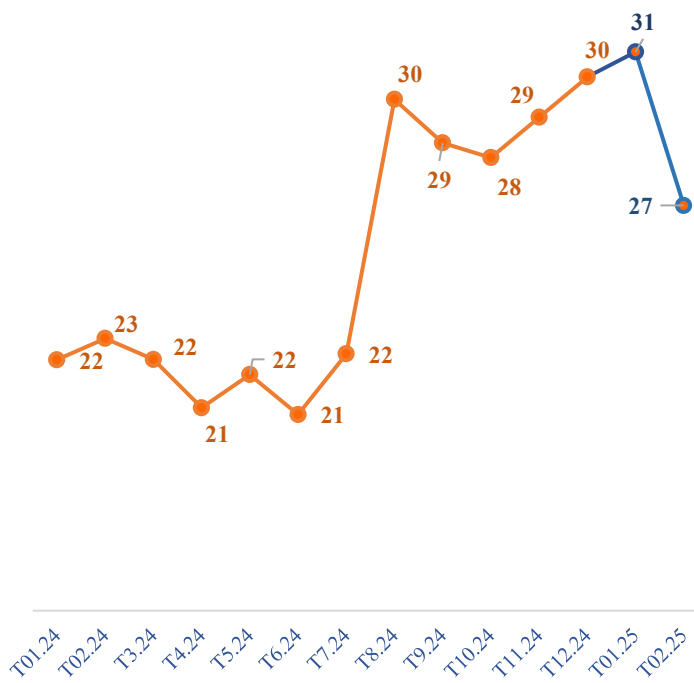
Doanh thu vận tải (theo tháng, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ  
(theo tháng, tỷ đồng)



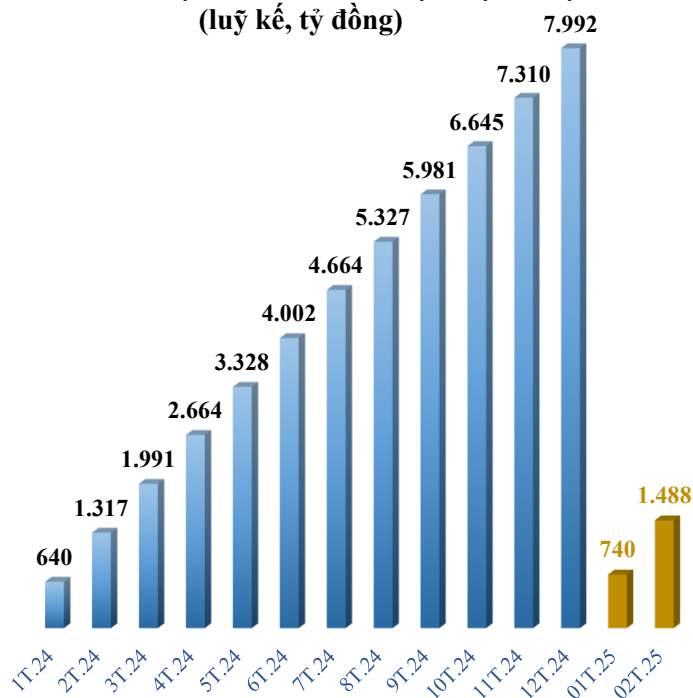
Doanh thu bưu chính, chuyển phát  
(theo tháng, tỷ đồng)



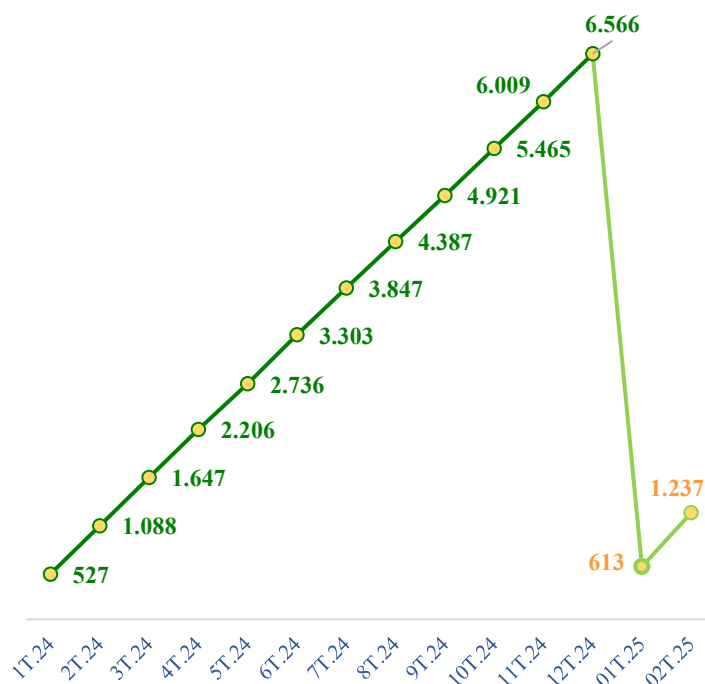


## VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI (tiếp)

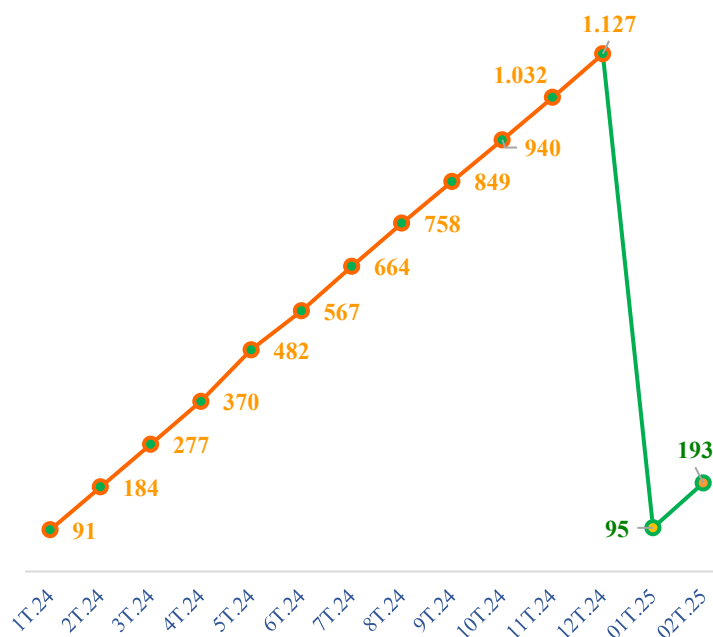
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ  
(luỹ kế, tỷ đồng)



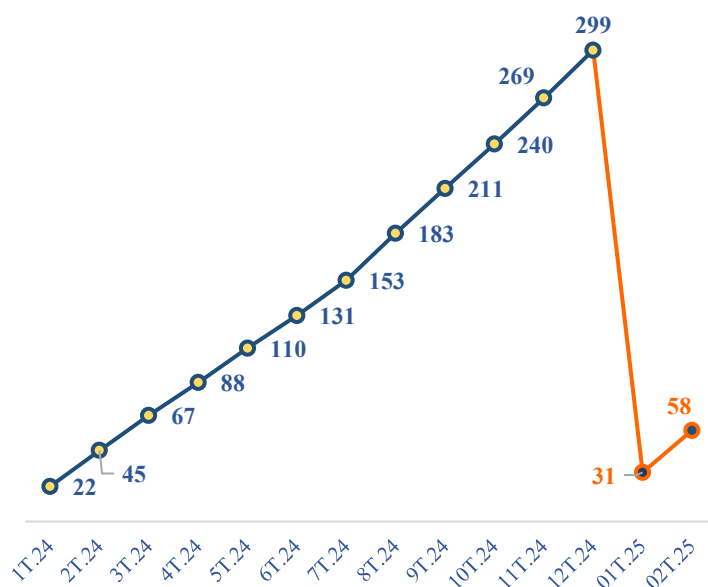
Doanh thu vận tải (luỹ kế, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ  
(luỹ kế, tỷ đồng)



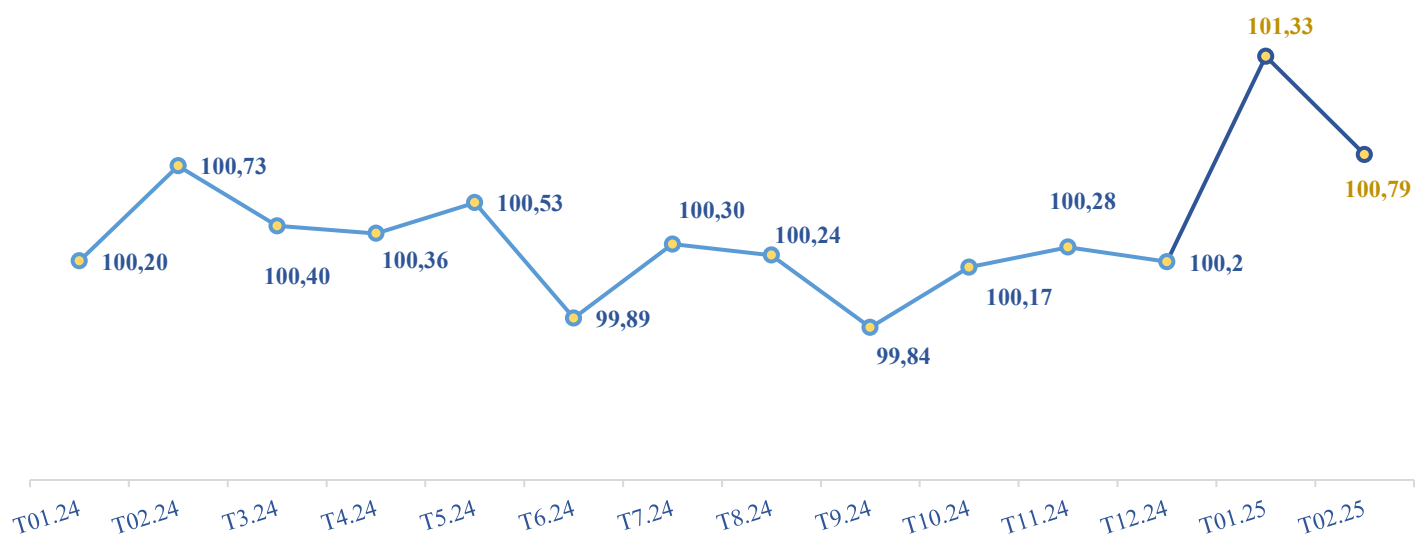
Doanh thu bưu chính, chuyển phát  
(luỹ kế, tỷ đồng)



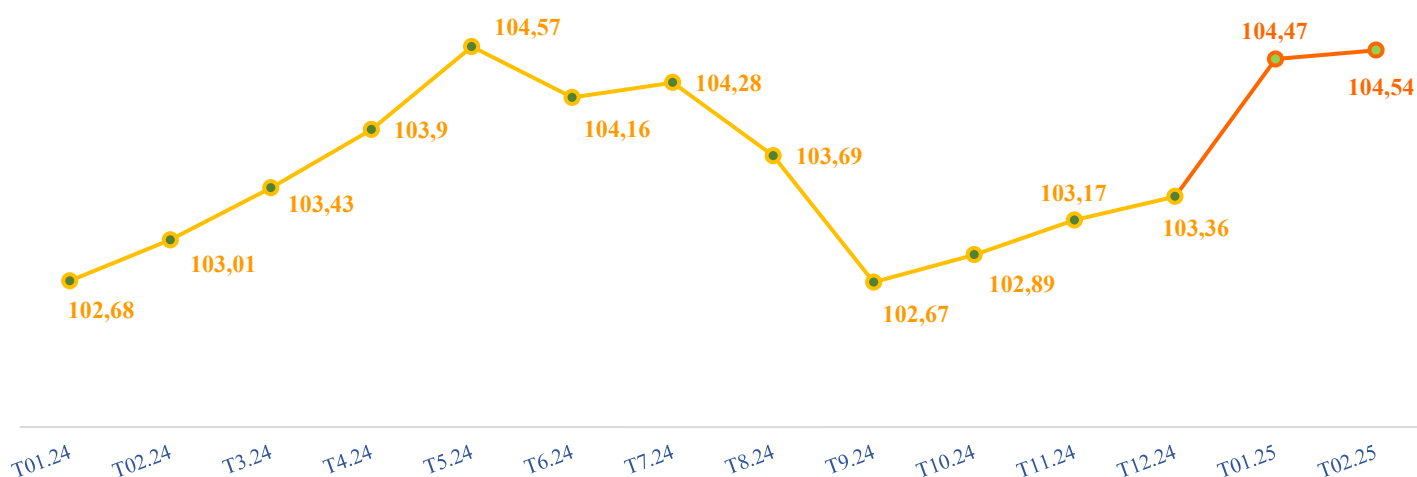


## CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ

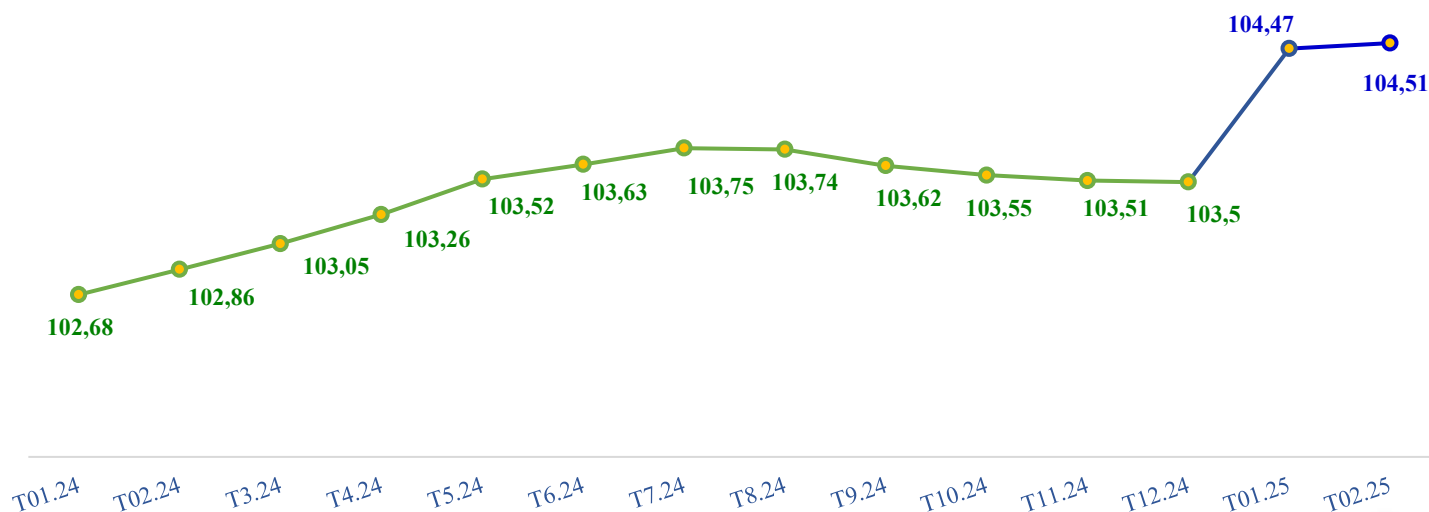
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với tháng trước (%)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với cùng kỳ (theo tháng, %)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ (lũy kế, %)

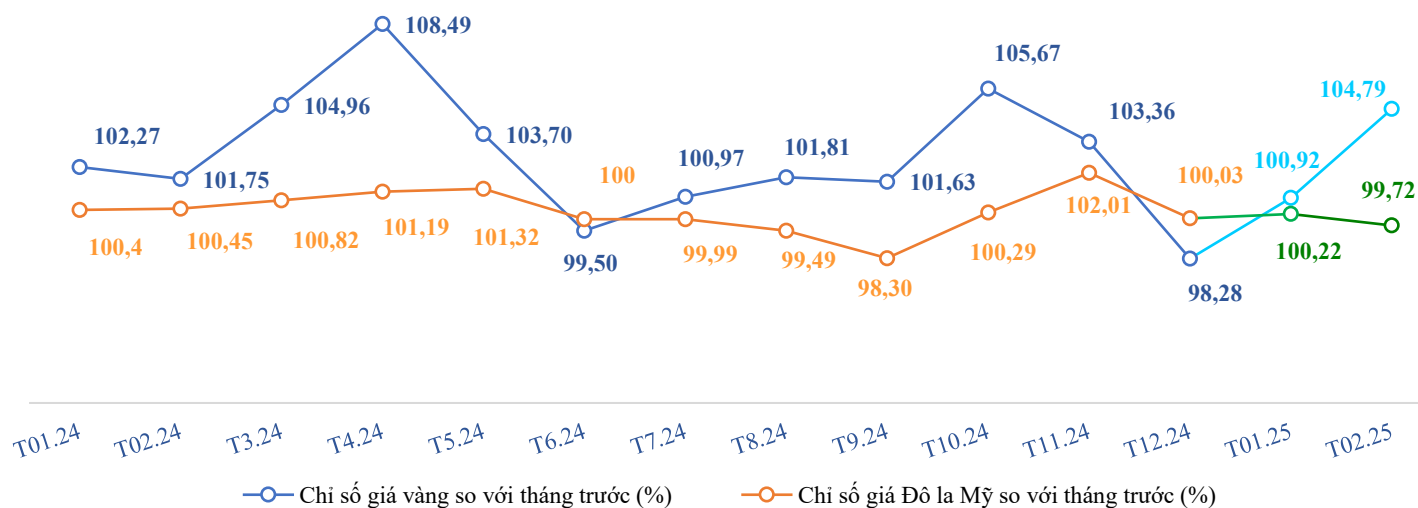




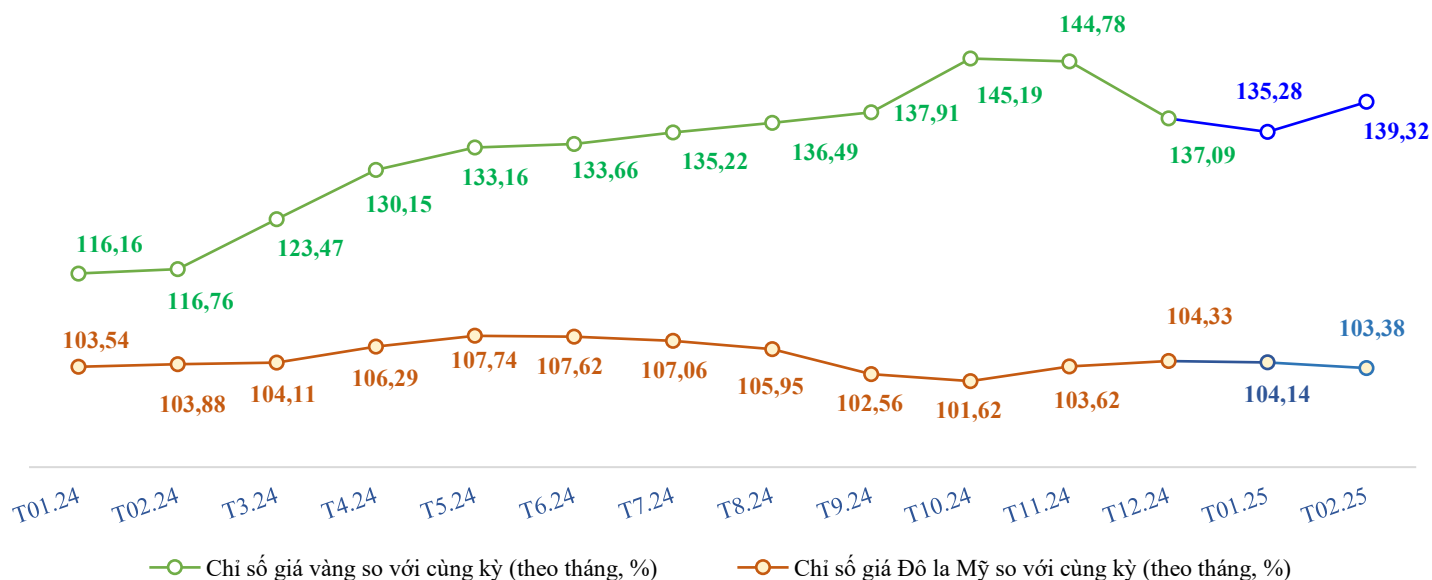


## CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ (tiếp theo)

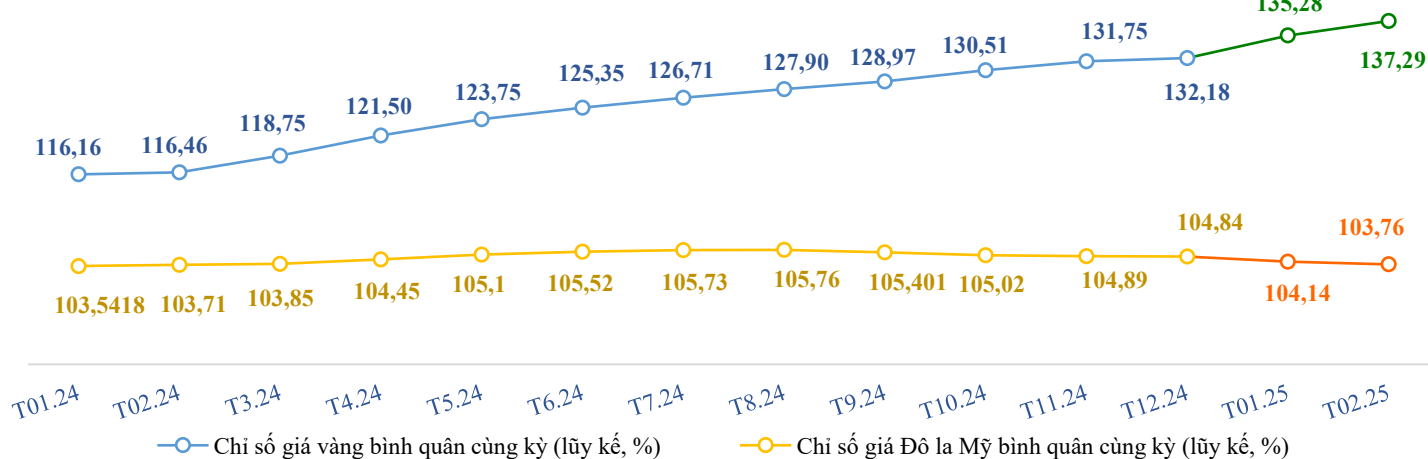
### Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ so với tháng trước (%)



### Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ so với cùng kỳ (theo tháng, %)



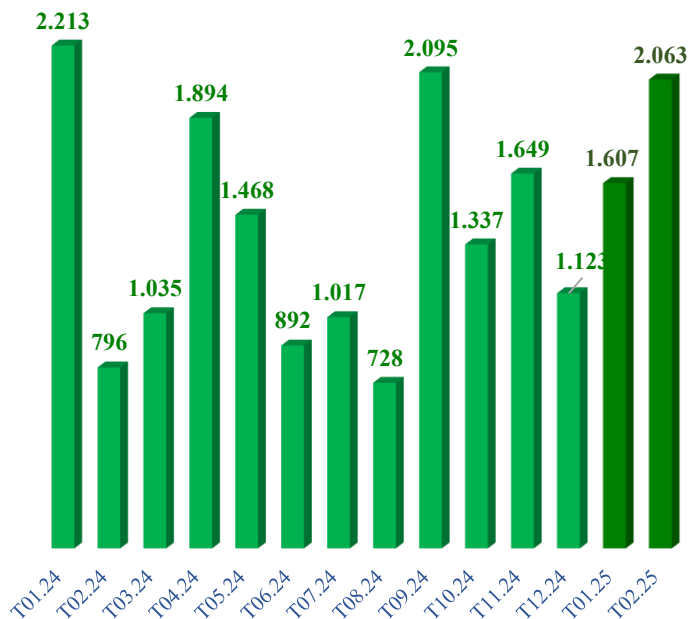
### Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ bình quân so cùng kỳ (lũy kế, %)



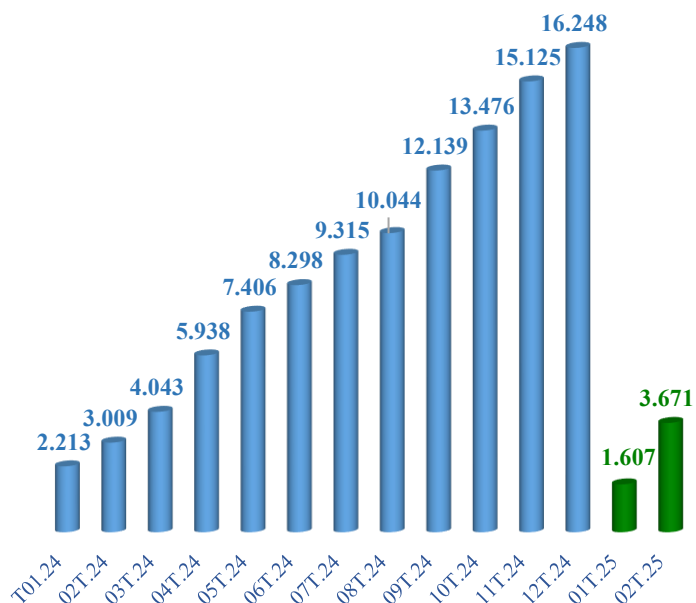


## THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(\*)

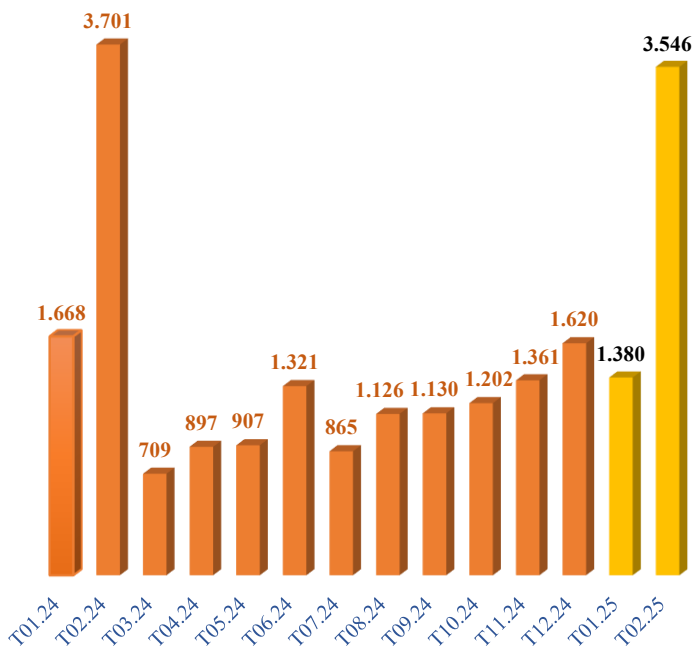
**Tổng thu ngân sách nhà nước  
(theo tháng, tỷ đồng)**



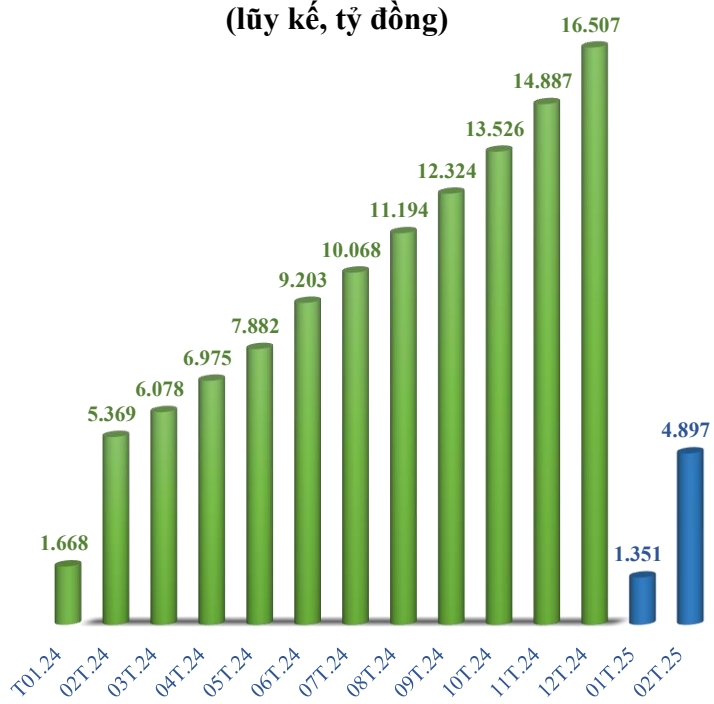
**Tổng thu ngân sách nhà nước  
(lũy kế, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương  
(theo tháng, tỷ đồng)**



**Tổng chi ngân sách địa phương  
(lũy kế, tỷ đồng)**



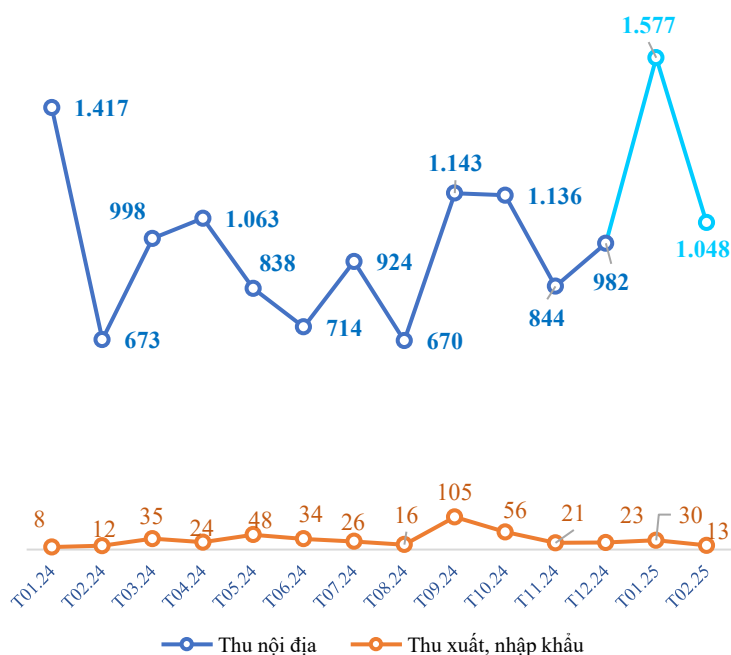
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(\*) Số liệu các tháng trước được cập nhật vào ngày cuối tháng. Riêng tháng 02 được cập nhật ngày 25/02/2025

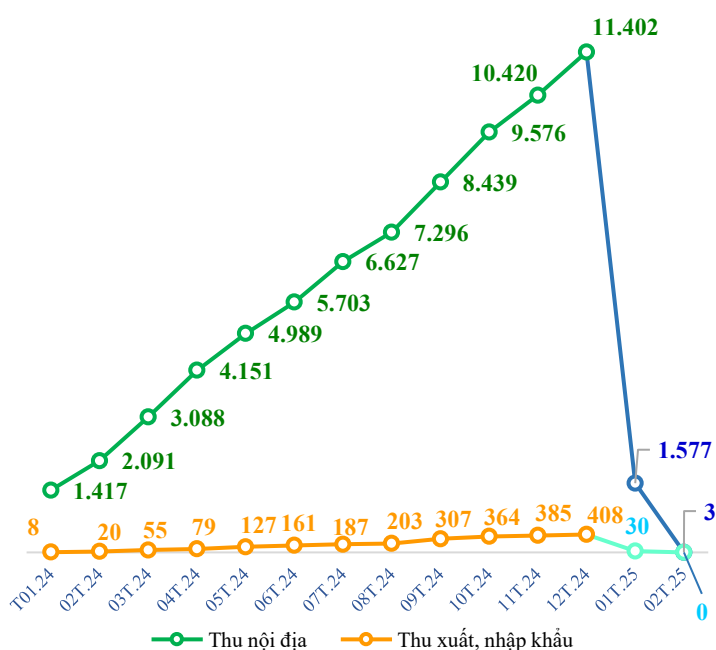


## THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(\*) (tiếp theo)

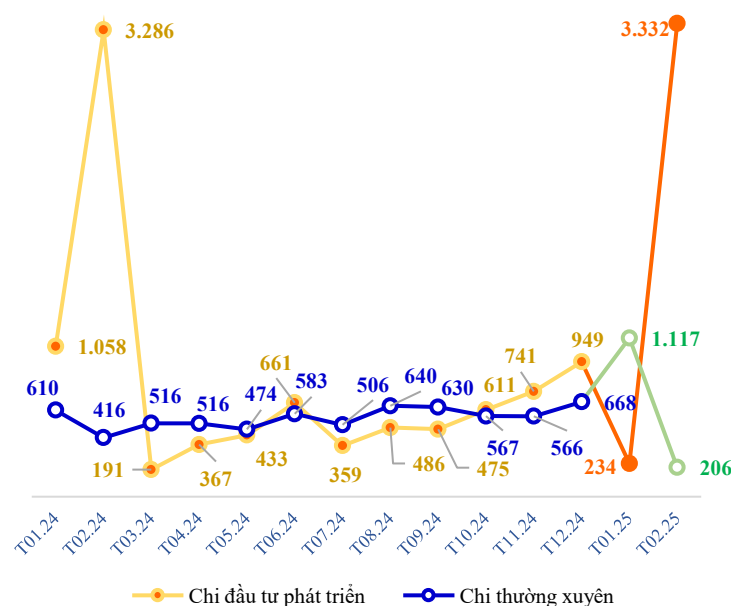
Thu nội địa và thu xuất, nhập khẩu  
(theo tháng, tỷ đồng)



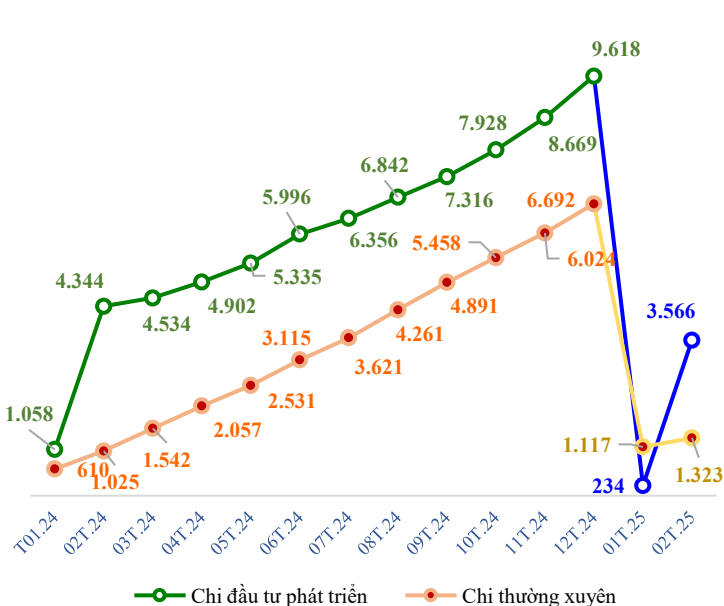
Thu nội địa và thu xuất, nhập khẩu  
(lũy kế, tỷ đồng)



Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên  
(theo tháng, tỷ đồng)



Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên  
(lũy kế, tỷ đồng)



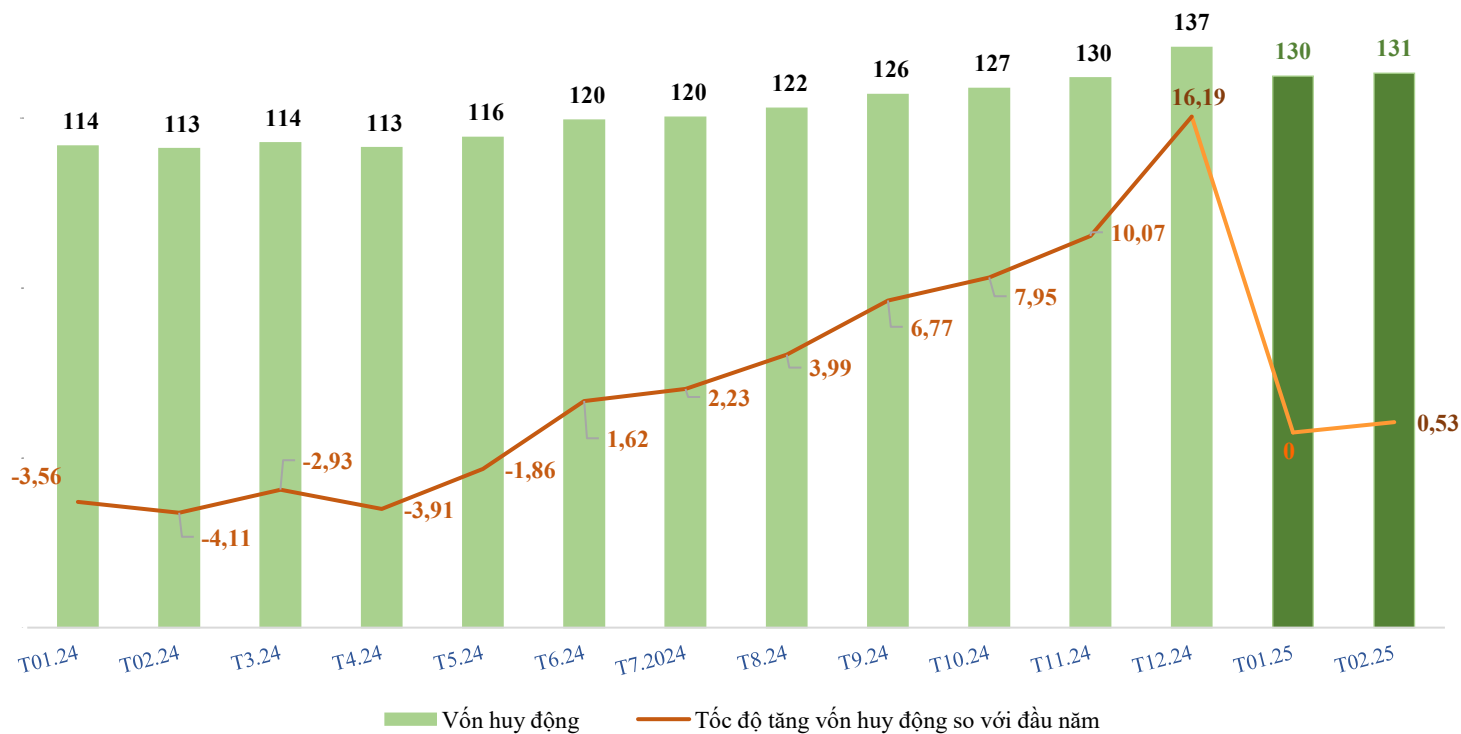
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(\*) Số liệu các tháng trước được cập nhật vào ngày cuối tháng. Riêng tháng 02 được cập nhật ngày 25/02/2025

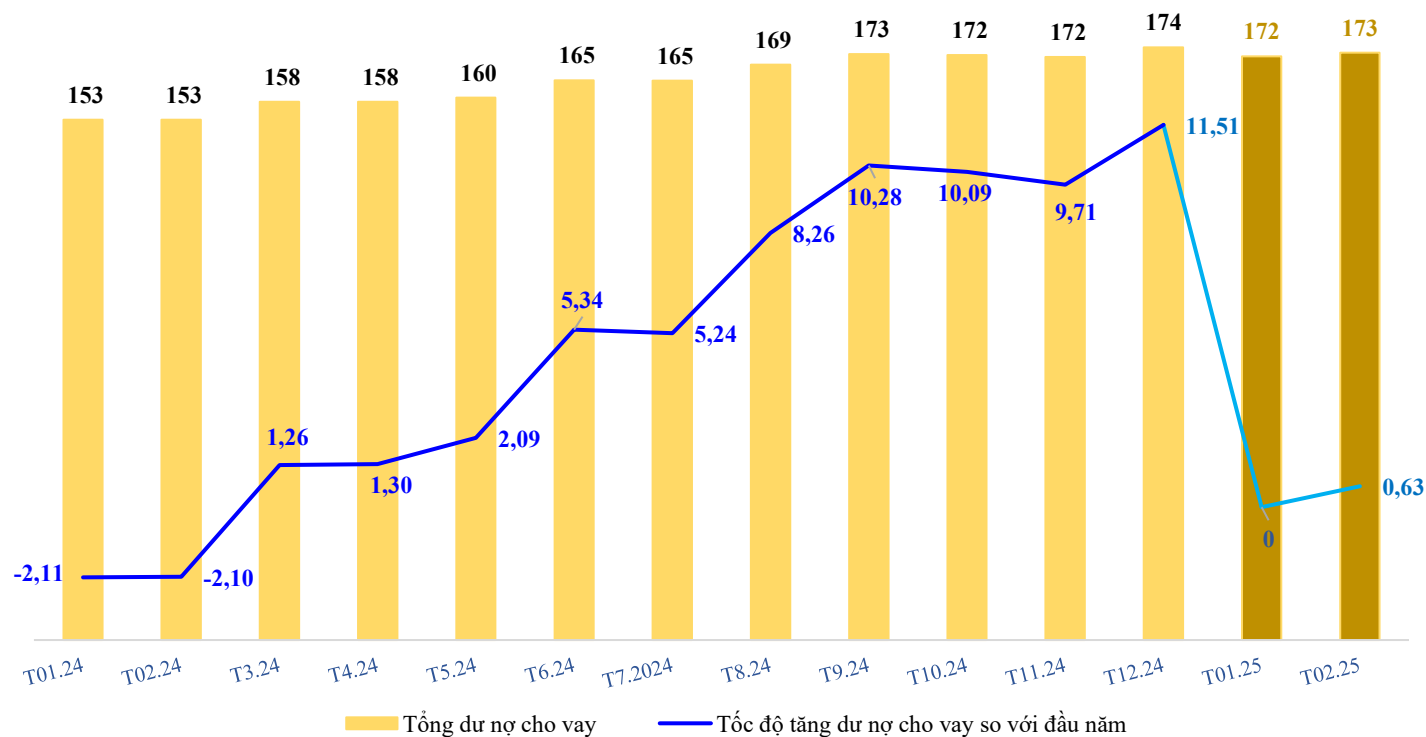


## NGÂN HÀNG

### Vốn huy động (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)



### Tổng dư nợ cho vay (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)

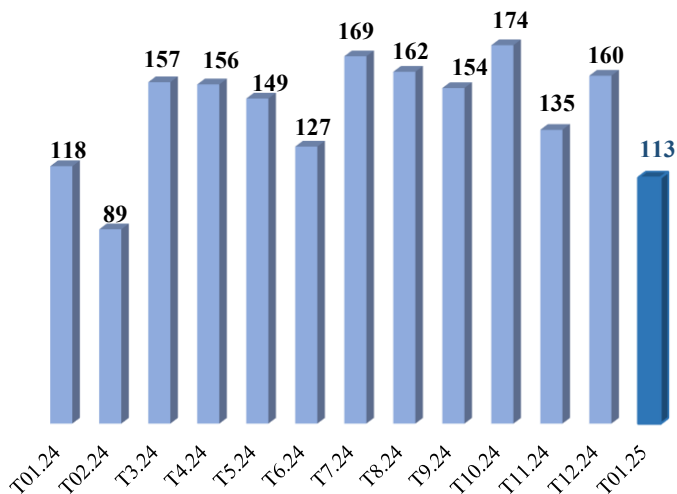


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cần Thơ

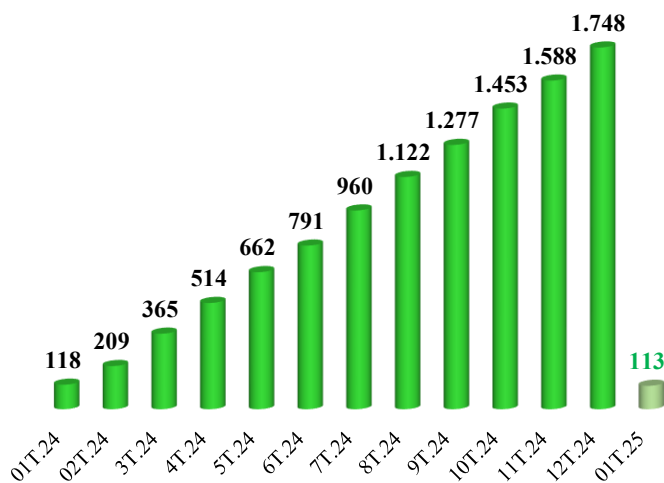


## XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

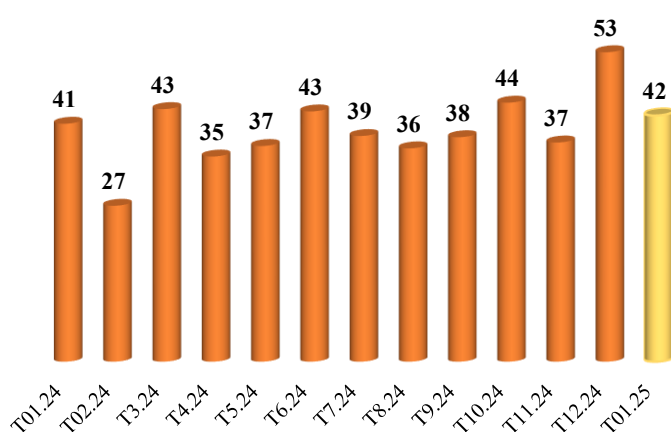
Xuất khẩu (theo tháng, triệu USD)



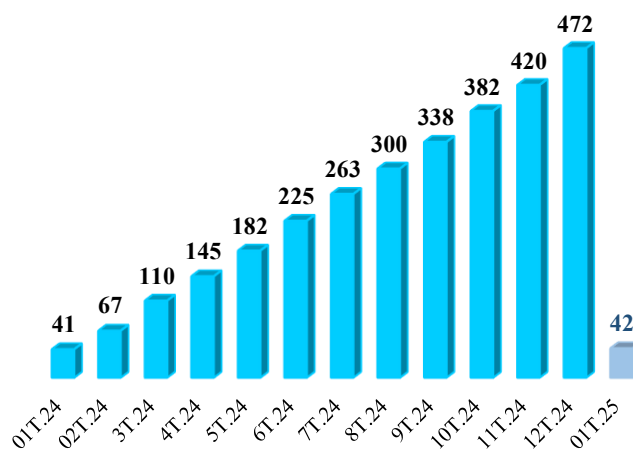
Xuất khẩu (lũy kế, triệu USD)



Nhập khẩu (theo tháng, triệu USD)

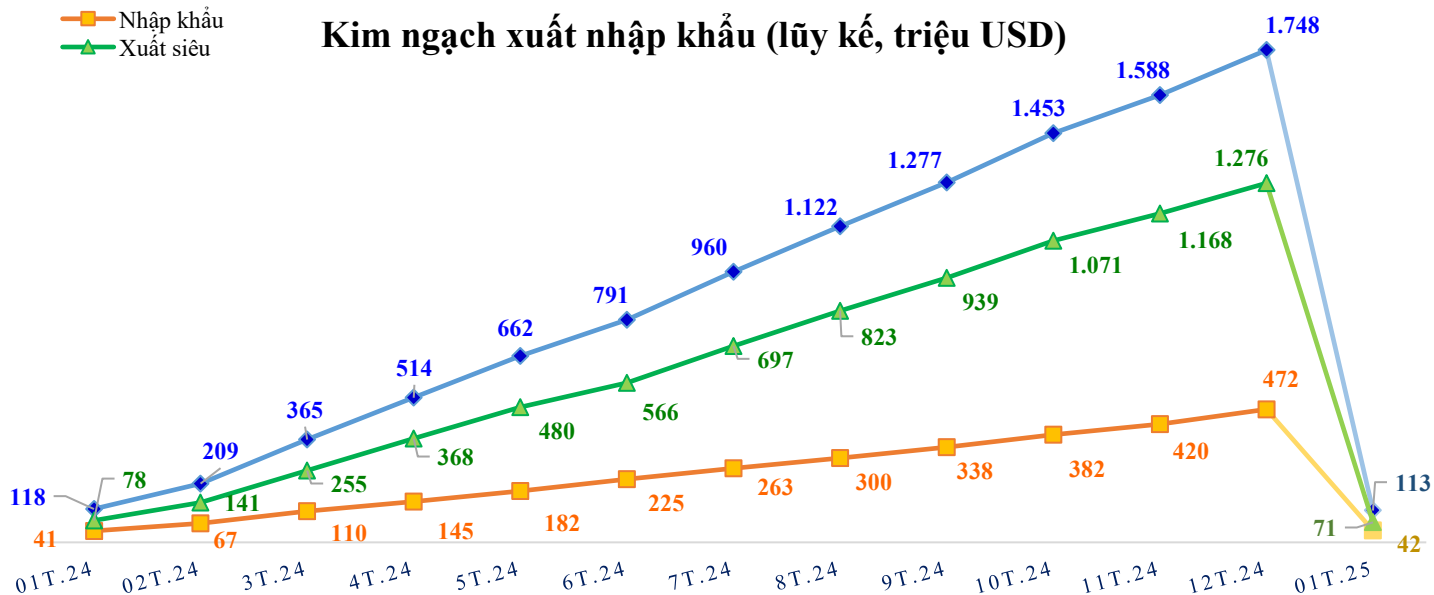


Nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)



- Xuất khẩu
- Nhập khẩu
- Xuất siêu

Kim ngạch xuất nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)

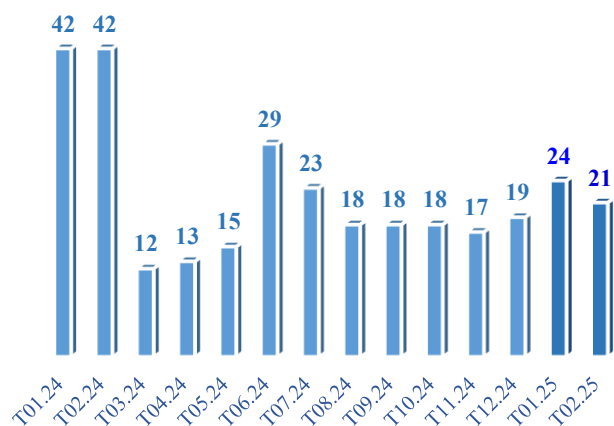


Nguồn: Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan ([www.customs.gov.vn](http://www.customs.gov.vn))

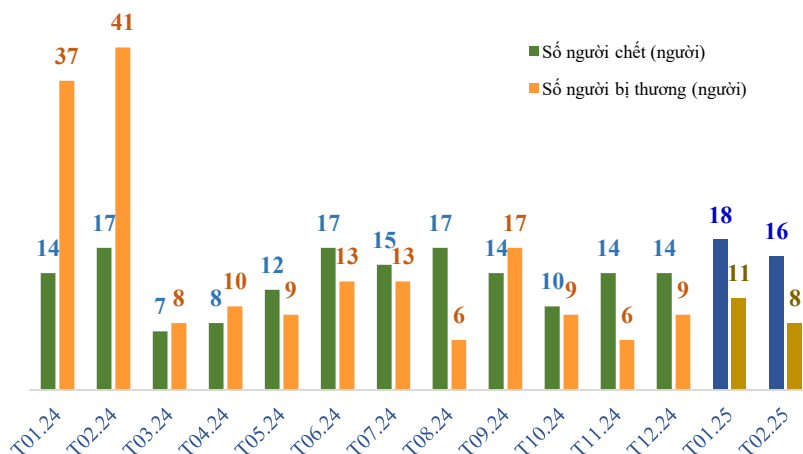


## TAI NẠN GIAO THÔNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

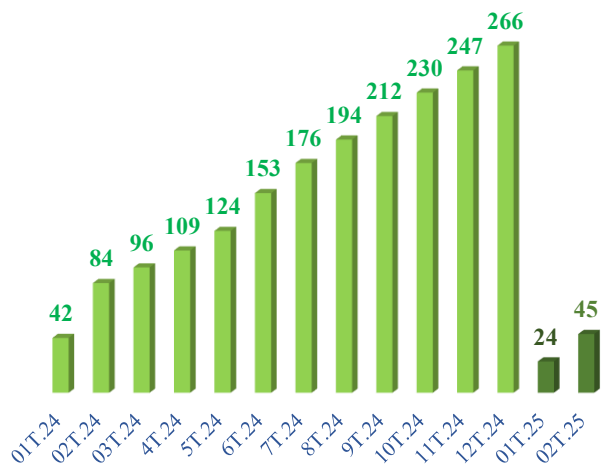
Số vụ tai nạn giao thông (theo tháng, vụ)



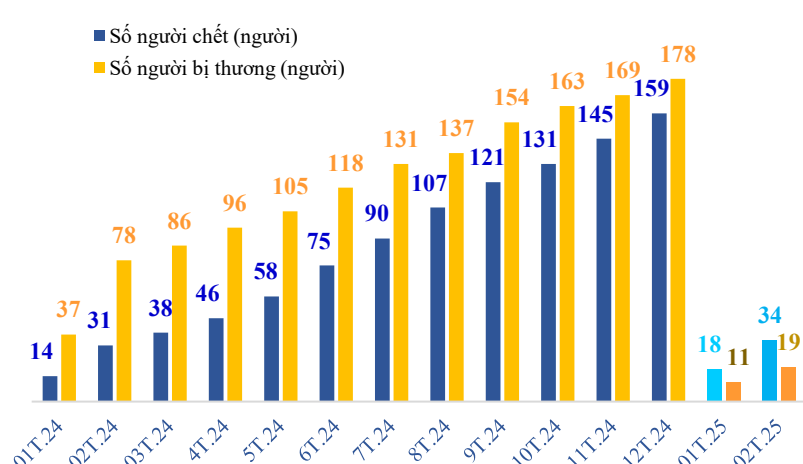
Số người chết và bị thương (theo tháng, người)



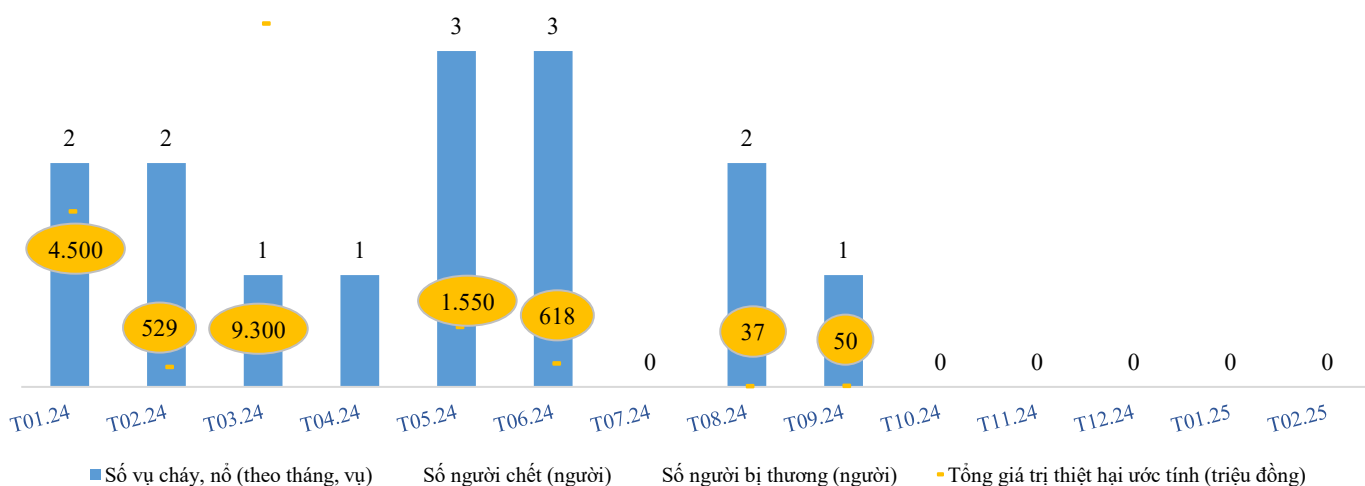
Số vụ tai nạn giao thông (lũy kế, vụ)



Số người chết và bị thương (lũy kế, người)



Số vụ cháy, nổ (theo tháng, vụ, thiệt hại)

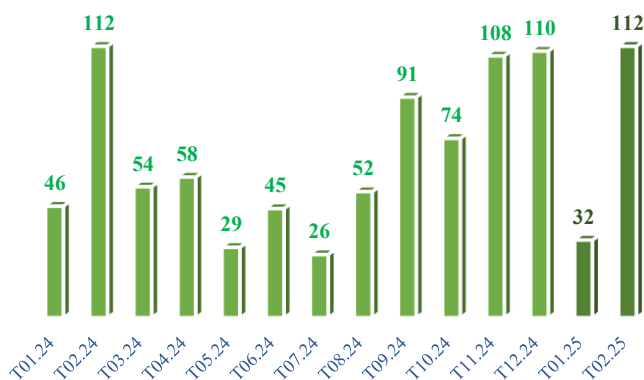


Nguồn: Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ

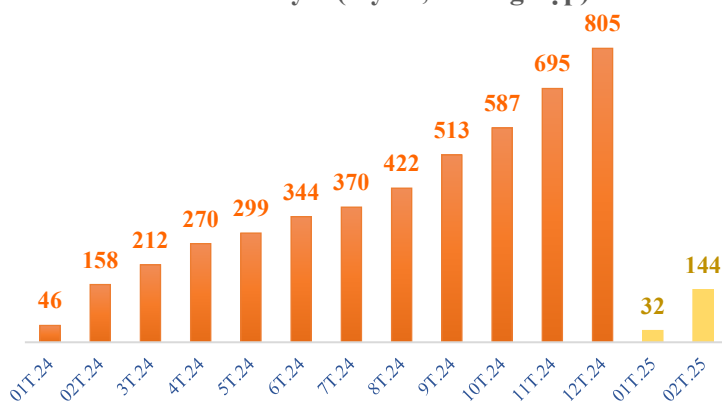


## TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

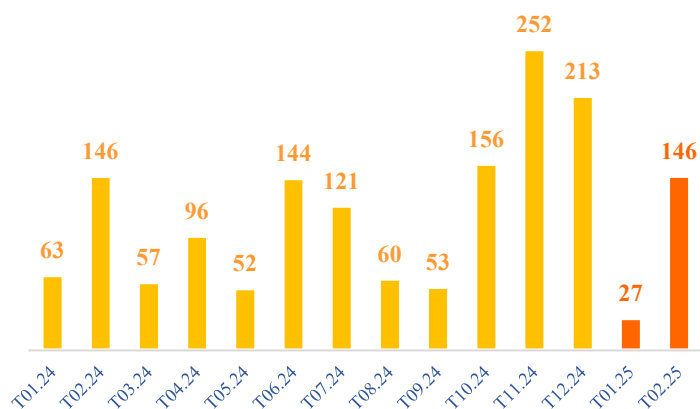
Sốt xuất huyết (theo tháng, trường hợp)



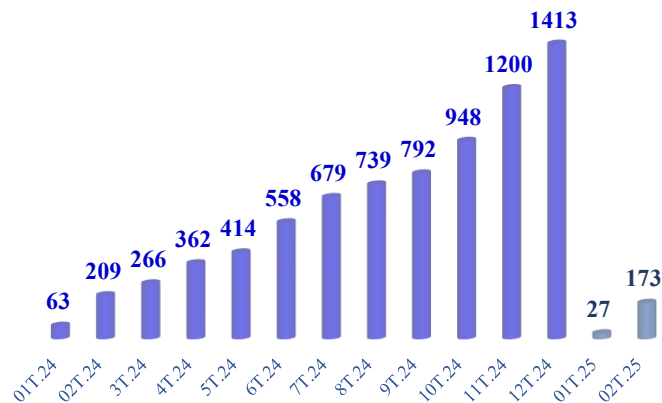
Sốt xuất huyết (lũy kế, trường hợp)



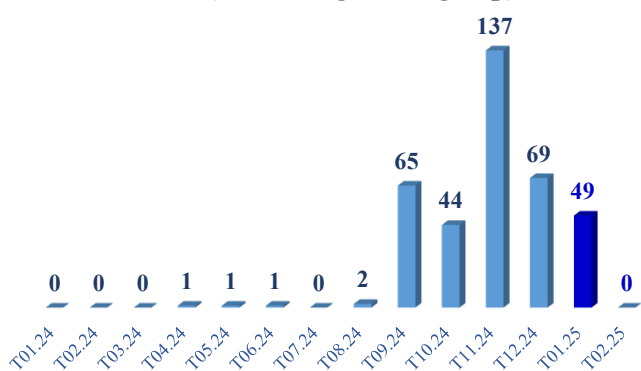
Tay chân miệng (theo tháng, trường hợp)



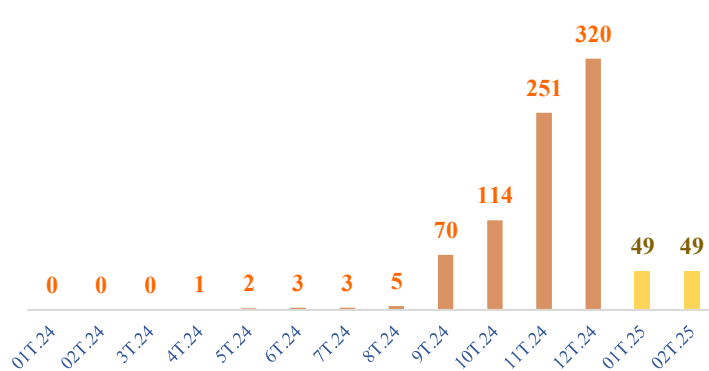
Tay chân miệng (lũy kế, trường hợp)



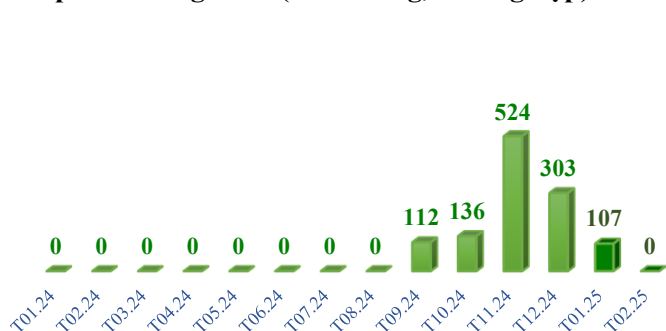
Sởi (theo tháng, trường hợp)



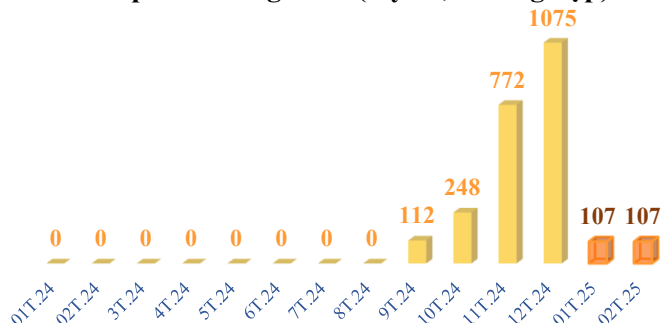
Sởi (lũy kế, trường hợp)



Sốt phát ban nghi sởi (theo tháng, trường hợp)



Sốt phát ban nghi sởi (lũy kế, trường hợp)



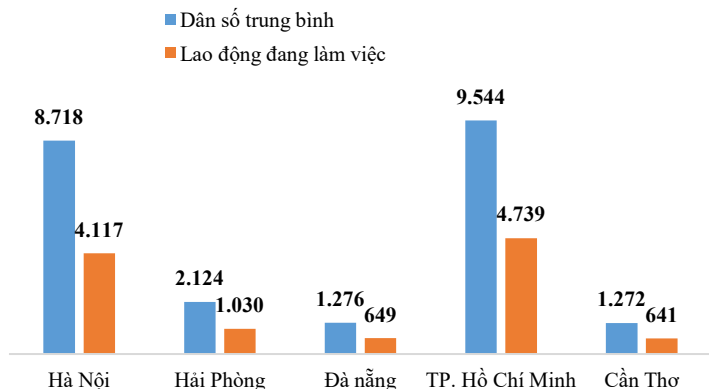
Nguồn: Sở Y tế thành phố



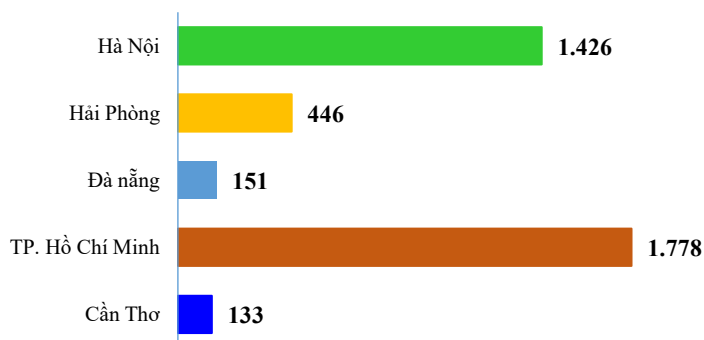


## SỐ LIỆU KINH TẾ CHỦ YẾU 5 TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ƯỚC NĂM 2024

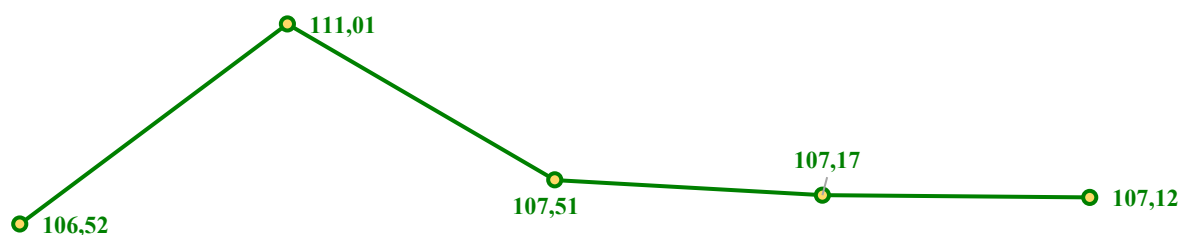
**Dân số trung bình và lao động đang làm việc  
(nghìn người)**



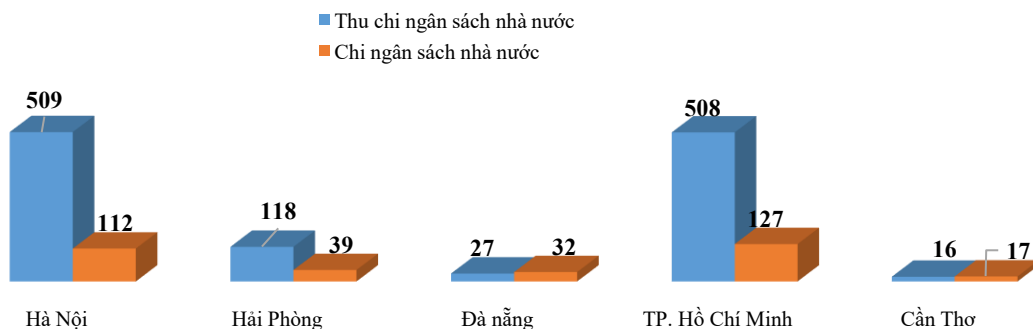
**Quy mô GRDP theo giá hiện hành  
(nghìn tỷ đồng)**



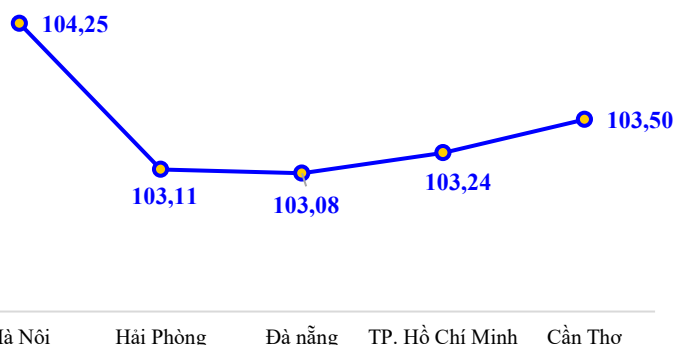
**Tốc độ phát triển GRDP (%)**



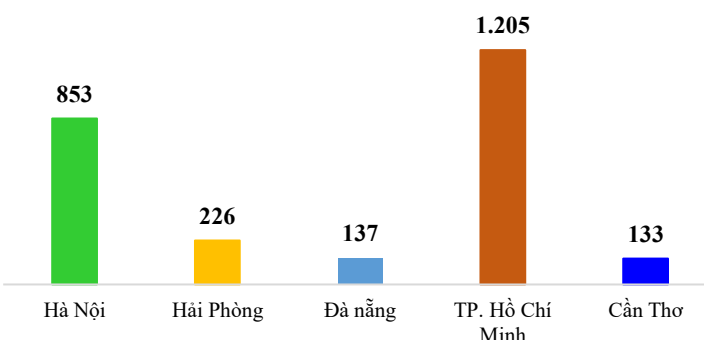
**Thu - Chi ngân sách nhà nước (nghìn tỷ đồng)**



**Chỉ số giá tiêu dùng (%)**



**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu  
dịch vụ tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)**



Nguồn: Cục Thống kê 5 thành phố lớn

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

6 - 5 - 1946

**CỤC THỐNG KÊ TP CẦN THƠ**



<https://cucthongkecantho.gso.gov.vn>